

# Đại Nam quốc sử diễn ca (Bản chữ Nôm mới phát hiện)

Nguyễn Q. Thắng



## Lời dẫn

*Đại Nam Quốc sử diễn ca là một trong các bộ sử ca của lịch sử sử học Việt Nam mà cũng là của văn học sử cổ cận đại Việt Nam. Bộ sử ca này nguyên là một tác phẩm văn chương được trước tác và khắc in vào những năm giữa thế kỉ thứ XIX (1860, 1870, 1874) ở trong nước và nước ngoài (Trung Quốc).*

Trước đây và hiện nay đã có một số nhà nghiên cứu phiên âm, chú thích giới thiệu bản sử ca này, nhưng đây là lần đầu tiên chúng tôi đã may mắn lưu giữ được một bản Hán Nôm – gọi là bản Hán Nôm vì bản có trong tay độc giả là một bản vừa chữ Nôm và chữ Hán – *khắc in tại Việt Đông Phật trấn đại nhai Phước Lộc, Kim Ngọc lâu ở Quảng Đông, Trung Quốc – vào năm Đông Trĩ, Giáp tuất (1874) do Duy Minh Thị sao chép, chú thích (chữ Hán) từ bản chữ Nôm cũ trước đó vài ba năm.*

Bộ *Đại Nam Quốc sử diễn ca* chữ Nôm này chúng tôi để lần trong tủ sách gia đình, mãi cho đến năm 2002 khi soạn Bộ *Tuyển tập Phan Văn Hùm* (NXB Văn hóa – Thông tin 2002) chúng tôi phát hiện được hai mươi số báo *Tự do* xuất bản tại Sài Gòn năm 1938 [của ông

Nguyễn Văn Sâm (1902-1947) là chủ nhân kiêm chủ bút] trong đó có loạt bài giới thiệu *Đại Nam Quốc sử diễn ca* do học giả Phan Văn Hùm (1902-1946) phiên âm, chú thích và giới thiệu trên báo vừa dẫn.

Loạt bài đăng trên báo *Tự do* từ cuối năm 1938 đến giữa tháng 3 năm 1939 thì người chú thích có “**Lời cần cáo**”: *Vì đương bận việc, tôi [Ph.V.H] không có thì giờ ngồi tra cứu sách vở mà chú thích Đại Nam Quốc sử diễn ca nên chi mục này xin gác lại trong ít lâu. Mong độc giả lượng thứ...*” Người chú thích (PVH) bảo ông “đương bận việc” (lúc ông tranh cử vào Hội đồng Quản hạt) nhưng thật sự trong tháng 4-1939 ông có bài *Chống 10 triệu bạc thuế Quốc phòng* đăng trên báo *Tranh đấu* hồi tháng 4-1939. Chính quyền thuộc địa Pháp dựa vào lí do chiến tranh nên ông bị bắt – ông mới đắc cử Hội đồng Quản hạt – cùng một lần với Trần Văn Thạch, Tạ Thu Thâu, Nguyễn Văn Tạo ngày 28-6-1943) và đồng chí khác bị đày ra giam ở Côn Đảo.

Tại đây, ông bị giam chung cùng chí sĩ Nguyễn An Ninh (1900-1943), nhưng sau khi Nguyễn An Ninh tuyệt thực chết trong tù; thực dân Pháp vừa hoảng sợ, vừa bị áp lực từ nhiều phía và dư luận về cái chết của Nguyễn An Ninh (ông là bạn mà cũng cùng khuynh hướng) thực dân phải trả tự do với điều kiện là đương sự phải chọn nơi cư trú trong thời gian bị quản thúc. Phan Văn Hùm chọn Tân Uyên thuộc tỉnh Biên Hòa – nay thuộc tỉnh Bình Dương - làm nơi tạm trú vì nơi đó có một xưởng gỗ của thân phụ ông.

Số tác phẩm và sách của Phan Văn Hùm chúng tôi sưu tầm được gần đủ, riêng bộ *Đại Nam Quốc sử diễn ca* do sự sơ suất nên sách bị thất lạc trong tủ sách gia đình và mãi đến năm 2006 vừa rồi tôi mới tìm thấy lại. Thật là “Châu hoàn Hợp Phố” vì cả hai phần (Quốc ngữ khoảng hơn 200 câu và bản chữ Nôm) nằm tại Việt Nam và cả bên trời Âu (Thư viện Quốc gia François Mitterrand Pháp).

Nhân trong một lần trao đổi với các nhà biên khảo khác, tôi được biết gần đây ông Nguyễn Khắc Thuần (giáo sư hưu trí) có cuốn *Đại Nam Quốc sử diễn ca* (NXB Giáo dục, 2007), tôi liền mua về đọc lại và khảo sát hồ sơ *Đại Nam Quốc sử diễn ca* (cả Nôm và Quốc ngữ) thì thấy có một số ưu tư; do đó tôi “hạ quyết tâm” nghiên cứu, phiên âm bộ sách chữ Nôm mà tôi đang lưu giữ.

Được biết sách của ông Nguyễn Khắc Thuần mới xuất bản trong năm 2007, mà sách [của NXB Giáo dục] in trên giấy báo với giá cực kì rẻ so với giá thị trường hiện nay; do vậy chúng tôi cũng cảm thấy chùn tay. Tuy thế, tôi nghĩ: thôi thì cứ làm, in được hay không được thì cứ bỏ đó. Thế cho nên, chúng tôi vẫn mạnh dạn và vui vẻ làm công việc, tưởng nhẹ nhàng mà nặng nhọc và lắm nhiều khê này. Đó là giới thiệu một công trình tập thể của ba vị: *Lê Ngô Cát, Đặng Huy Trứ và Trần Quang Quang (Duy Minh Thị)* hồi cuối thế kỉ XIX (1874) để giới thiệu đến độc giả yêu cổ văn, và trân trọng Quốc sử Việt Nam.

Như đã viết ở trên *Đại Nam Quốc sử diễn ca* (bản chữ Nôm) được khắc in từ thế kỉ XIX theo niên kỉ sau:

1- Bản đầu tiên là năm 1870 do hiệu *Trí Trung đường* - Chủ nhân là Đặng Huy Trứ (xem tiểu sử ở sau) khắc in vào năm Canh ngọ tức Tỵ Đức năm 23, Canh ngọ mùa hè, Trí Trung đường giữ bản khắc gỗ.

2- Bản thứ hai, theo GS Hoàng xuân Hãn, thì đến năm Quý dậu, Tỵ Đức thứ 26 (1873) Phạm Đình Toái (1818-1905) lại tự mình thuê khắc in một bản thứ hai, với lời tựa của ông (PĐT) như sau: “*Bình Chuẩn (Bình Chuẩn là chức vụ của ĐHT – NQT chú) sứ quân xem lấy làm thích, đã đem khắc bán, nhưng giá lại cao, việc in và việc mua có nhiều điều chưa tiện, nhân đó lại khắc lượt nữa để chung cho mọi người*”<sup>(1)</sup>.

Tuy vậy, trong công trình nghiên cứu của mình GS Hoàng Xuân Hãn cũng không công bố bản chữ Nôm,

3- Bản thứ ba là đến năm 1881 (Tân tị) Tỵ Đức thứ 34 có bản khắc lại của hiệu *Trí Trung đường*

4- Bản thứ tư là năm 1908 (Mậu thân) Duy Tân thứ 2 có bản của nhà *Liễu Văn đường*, cùng năm hiệu *Quan Văn đường* ở phố Hàng Gai – Hà Nội khắc in một lần nữa.

5- Bản thứ năm, vào năm 1934 (Giáp tí) Khải Định thứ 9 có bản của nhà *Quảng Thịnh đường* rồi đến năm 1933 có bản Giáp tí in ở Hà Nội <sup>(2)</sup>.

Theo các nhà nghiên cứu văn bản, thì các bản in trên đều ghi tên tác giả Lê Ngô Cát, và Phạm Đình Toái hiệu đính cùng một số vị tham gia hiệu chỉnh, thêm bớt đã có như các bản đã giới thiệu.

6- Bản thứ sáu này do chúng tôi (NQT) phát hiện có tên *Đại Nam Quốc sử diễn ca* khắc in năm 1874 (Giáp tuất) tại Việt Đông Phật trấn đại nhai Phước Lộc, Kim Ngọc lâu ở Quảng Đông Trung Quốc năm Đồng Trị Giáp tuất (1874). Bản in khắc “*Tại Đê Ngạn, phát khách, Gia Định thành Duy Minh Thị phó trạch Việt Đông Phật trấn Phước Lộc đại nhai, Kim Ngọc Lâu tàng bản*” (*Tại Chợ Lớn phát khách, Gia Định thành Duy Minh Thị trao giữ, Việt Đông Phật trấn, đường lớn Phước Lộc, Kim Ngọc lâu tàng bản*).

Bản này được học giả Phan Văn Hùm (1902-1946) phiên âm, chú thích giới thiệu như đã viết ở trên, trong báo *Tự do* (số 1 ngày 1 tháng 10 năm 1938) của ông Nguyễn Văn Sâm xuất bản ở Sài Gòn. Gần đây (năm 2002) theo *Tuyển tập Phan Văn Hùm* thì ông Phan Văn Hùm là một nhà Tây học<sup>(3)</sup> mà cũng là một người am tường cổ học, một chuyên gia về Hán Nôm từng phiên âm chú thích hầu hết các tác phẩm Hán Nôm của nhà thơ mù Nguyễn Đình Chiểu (1822-1888) như: *Lục Vân Tiên, Dương Từ – Hà Mậu, Ngư Tiều vấn đáp y thuật* <sup>(4)</sup>... xuất bản từ các năm 1936-1964 tại Sài Gòn, Hà Nội.

Và một tập bản thảo chú thích *Hoa tiên truyện* của Nguyễn Huy Tụ (1743-1790) mà chúng tôi đã giới thiệu trong *Tuyển tập Phan Văn Hùm* đã dẫn.

Sau đây là *Lời dẫn* của Phan Văn Hùm khi ông giới thiệu bộ sử ca *Đại Nam quốc sử diễn ca*, hiệu giả viết:

*Trong những áng văn xưa, có bốn Đại Nam Quốc sử Diễn ca đáng yêu quý. Về mặt sử liệu không phải đó là một công trình vô giá trị. Về mặt văn chương, đó là một công trình lớn lao.*

*Kẻ chú thích này mặc dầu theo duy vật sử quan, cũng không dám xúc nổi khinh lờn lối sử biên niên ở trong bốn sử ca đó. Hoặc có khi sẽ lạm bút phê bình, chẳng qua là để đánh dấu ngờ cho người đọc xét lại.*

*Kẻ chú thích này vốn ở Tây học mà ra, bên chữ nho thì nhờ công tự học mà biết lam nham mớ nhấm. Như thế ắt không khỏi chú thích sai lầm. Mong bực cao minh dạy bảo cho, ơn phá ngu chi xiết kể.*

*Đại Nam Quốc sử Diễn ca, là do Quốc sử quán vâng chỉ vua Tự Đức mà đặt ra. Điều ấy ai cũng đã công nhận. Duy trong Quốc sử quán bấy giờ có những ai? Kẻ chú thích này chưa có cơ hội để khảo về chỗ đó, chỉ nghe truyền rằng chính ông Ngô Cát người huyện Chương Đức, là người đặt ra bốn sử ca ấy, còn người hiệu chính là ông Đặng Huy Trứ, quán ở tỉnh Thừa Thiên, đỗ giải nguyên đời vua Minh Mạng, làm đến chức Bình Chuẩn đời vua Tự Đức. Ông sau này đi buôn các nước có sang Nhật, sang Tàu.*

*Bốn Đại Nam Quốc sử Diễn ca sao lục ra đây, là chép theo bốn chữ nôm của Duy Minh Thị, người ở Xóm Dầu (Sài Gòn), xuất bản năm 1874, do hiệu Kim Ngọc Lâu ở Việt Đông (bên Tàu) khắc bản.*

*Toàn bốn có một ngàn lẻ hai mươi bảy (1027) câu lục bát. Ở đây lần lượt lục đặng, tùy lời chú thích dài vắn mà khi ít khi nhiều câu, không có chùng.*

*Về những con số ngày tháng, kẻ chú thích sẽ chưa cả âm lịch và dương lịch, mỗi khi có thể tìm kiếm được hai lịch đối chiếu nhau. Từ mấy năm nay lưu tâm về lịch pháp, kẻ chú thích này muốn làm một quyển “Vạn niên lịch” để riêng cho mình, đem âm dương lịch đối chiếu từ đời Nghiêu Thuấn xuống tới ngày nay. Tiếc vì không có thì giờ để làm cái công trình mệch nhọc ấy, đành kiểm tra những can chi sóc hổi trong sử Tàu, nhưt là trong kinh Xuân Thu”<sup>(5)</sup>.*

Về bản chữ Nôm chúng tôi sưu tầm được vào các năm 1968-1970 tại nhà một người chơi sách, vị này trao lại cho biên giả với điều kiện “trao đổi vật ngang giá” nghĩa là hai bên tặng sách cũ cho nhau. Sau khi mang sách về nhà thì chúng tôi mới biết đây là sách của chủ nhân Phan Văn Hùm người viết đoạn văn trên!

Phản phiên âm, chú thích này cụ Phan Văn Hùm cho đăng trong báo *Tự do* đã dẫn được 283 câu (từ số 1 ngày 1-10-1938 - 18-3-1939 thì ngưng với lí do như đã viết.

Như vậy trên báo *Tự do* số 20 ngày 18-3-1939 người chú thích có lời *cẩn cáo* như đã dẫn mà các thư viện ở Sài Gòn không còn (các số báo có bài phiên âm, chú thích *Đại Nam Quốc sử diễn ca* này do GS Phan Kiều Dương - thứ nam cụ Phan Văn Hùm - photo tặng cho, nhân chúng tôi biên soạn bộ *Tuyển tập Phan Văn Hùm*

Trong bản khắc gỗ do Duy Minh Thị “trao giữ” in ở Việt Đông – Tr.Q chú thích viết bằng chữ Hán rất chi tiết rõ ràng. Thế cho nên trong “*Lời người chú thích*” ông Phan Văn Hùm viết (xin trích lại) “*chỉ nghe truyền*”<sup>(6)</sup> rằng chính ông Ngô Cát người huyện Chương Đức, là người đặt ra bốn sử ca ấy, còn người hiệu chính là ông Đặng Huy Trứ, quán tỉnh Thừa Thiên, đỗ Giải nguyên đời vua Minh Mạng, làm đến chức Bình Chuẩn đời vua Tự Đức. Ông sau này đi buôn các nước có sang Nhật, sang Tàu”. (Xem tiểu sử Lê Ngô Cát, Đặng Huy Trứ, Duy Minh Thị ở cuối bài).

Có lẽ như đã viết và ngay chính bản *Duy Minh Thị* trao giữ mà năm 1875 Trương Vĩnh Ký người phiên âm một bản chữ Nôm nào đó nên họ Trương chỉ ghi tác giả là Lê Ngô Cát mà không có tên Phạm Đình Toái. Nhưng theo GS Hoàng Xuân Hãn bộ sử ca này được khắc in là “cột nhờ óc thực tế của hai nhà nho Phạm Đình Toái là người sửa chữa và Đặng Huy Trứ là quan Bình Chuẩn ở Hà Nội mà có một nhà xuất bản ở Hà Nội hiệu *Trí trung đường*”.

Hiệu Trí trung đường này đã xuất bản nhiều sách, nhất là sách của Đặng Huy Trứ. Ông Đặng Huy Trứ trước tác rất nhiều, nhờ hiệu Trí trung đường mà sách ông được khắc rất đẹp. Ông lại thích xem sách người khác. Hễ thấy quyển nào có giá trị, ông lại khuyên đem hiệu ông khắc”.<sup>(7)</sup>

Như đã viết ở trên, Trương Vĩnh Ký (1837-1898) là người đầu tiên phiên âm bản chữ Nôm *Đại Nam Quốc sử diễn ca* ra chữ Quốc ngữ La tinh trước nhất vẫn không ghi tên Phạm Đình Toái và trong *Lời chú* (note) bằng tiếng Pháp ông chỉ viết Lê Ngô Cát là tác giả. Bản này hiện chúng tôi sao chụp từ một quyển sách có tên *Đại Nam Cuộc sử kí diễn ca* (10,5x17cm) Sài Gòn, bản in Nhà nước 1875. Trong *Note* (Lời chú) bằng tiếng Pháp, Trương Vĩnh Ký viết; (nguyên văn):

“L’histoire annamite en vers, dont nous publions la transcription, a été écrite, en 1860, par un mandarin annamite du nom de Lê-ngô-cát, homme de forte érudition, chargé de la rédaction des annales de l’Annam sous le règne de Tự-đức.

Cependant, il faut remarquer que l’auteur est critiqué par les lettrés pour avoir trop souvent mêlé des expressions en caractères chinois à l’annamite vulgaire.

Quoi qu’il en soit, ce poème est très-instructif et approprié à la portée, au goût de la population.

C’est d’ailleurs une coutume dans la littérature annamite de traiter en vers les sujets intéressants, de sorte que, aidés par la cadence, la mesure et la rime, les il lettrés qui les entendent lire ou réciter les retiennent aidément dans leur mémoire.

C’est ainsi que beaucoup de ces écrits versifiés sont transmis de père en fils.

Notre pensée, en transcrivant le *Đại-nam cuộc sử kí diễn ca*, a été de répandre dans le peuple la connaissance de l’écriture latine, en lui offrant sous cette forme des sujets attrayants et de le préparer ainsi, dans la mesure de nos moyens, à se mettre plus aisément au courant des progrès de la civilisation moderne.

Le but est peut-être au-dessus de nos forces; mais, si nous n’y réussissons, il nous restera du moins avec notre conscience satisfaite, l’honneur de l’entreprise.

Dans ce travail, nous nous sommes appliqué à soigner l’orthographe du *Quốc ngữ* en lui donnant la valeur exacte de la prononciation dans la langue parlée. Les mots difficiles à cause de leur origine se trouveront expliqués d’ailleurs dans le grand dictionnaire annamite-français que nous comptons publier bientôt.”

Tạm dịch:

*Sử kí An Nam bằng thơ do một viên quan tên là Lê Ngô Cát học rộng, giữ việc chép sử thời Tự Đức, soạn năm 1860.*

*Tuy nhiên có nhiều nhà Nho chỉ trích tác giả dùng xen quá nhiều chữ Hán. Nhưng dù sao áng thơ cũng rất có ích cho việc học và thích hợp với quần chúng.*

*Trong văn học An Nam những đề tài quan trọng thường được viết theo thể thơ, như vậy nhờ vào vần điệu mà dễ đọc, dễ ngâm, dễ nhớ hơn. Bằng cách này những áng thơ thường được truyền từ đời cha đến đời con.*

*Khi diễn Nôm **Đại Nam Cuộc** (sic) **sử diễn ca** chúng tôi có ý phổ biến trong dân chúng loại chữ La tinh, nhằm cống hiến những đề tài hấp dẫn giúp mọi người tiếp cận nền văn minh tân tiến.*

*Mục đích có lẽ quá sức chúng tôi, nhưng thản như không thành công thì ít ra lương tâm chúng tôi cũng thỏa mãn vì đã làm xong bổn phận.*

*Khi làm công việc này chúng tôi cố gắng theo đúng chánh tả Quốc ngữ, theo đúng cách phát âm trong lời nói. Những chữ khó chúng tôi sẽ giải nghĩa trong cuốn *Tự vị An Nam – Lang Sa* mà chúng tôi dự định sẽ xuất bản trong ngày gần đây.”<sup>(8)</sup>*

Và tiếp theo (trang III) Trương Vĩnh Ký viết thêm chủ đích của ông về việc “*đặt sách Đại Nam Cuộc sử diễn ca bằng chữ Quốc ngữ như sau:*

#### **Về kẻ đặt sách Đại Nam Cuộc sử kí diễn ca**

*Ta chép sách này ra chữ Quốc ngữ có ý cho con trẻ các trường, trước là coi cho biết truyện, sau là tập viết chữ cho trúnng tiếng trúnng dấu cho quen.*

*Người đặt ra sách này là Lê Ngô Cát, là quan sử quán (năm Tự Đức 12 niên) là kẻ thông kinh sử lâm cử trong sử kí mà làm ra, có một điều ông ấy hay để tiếng chữ vô nhiều quá, lộn với tiếng Nôm, nên kẻ chưa từng coi thì có ý khó hiểu một chút. Nhưng vậy mấy tiếng ấy ta cũng đã có đem vô tự vị lớn tiếng An Nam rồi.*

*Kế sau đây ta biên ra tên tuổi các đời vua từ Hồng Bàng thị tới nay, để cho kẻ siêng học coi đó mà nhớ thứ lớp cho kĩ.”<sup>(9)</sup>*

Đó là cách làm việc khoa học, khách quan của học giả họ Trương vì trong sách có ai nhắc đến Phạm Đình Toái và ông Phạm có can hệ gì đến tác phẩm này đâu! (theo Trương Vĩnh Ký và cả chúng tôi - NQT - nữa)

Như vậy, có thể Trương Vĩnh Ký phiên âm từ bản Duy Minh Thị in năm 1874 hoặc bản Trí Trung đường hay một bản nào khác, cho nên Trương Vĩnh Ký không hề nhắc đến Phạm Đình Toái. Thế nên sau năm 1940 một số nhà chú thích, nghiên cứu có ý phiên trách họ Trương là không nhắc gì đến họ Phạm. Nếu khảo sát về lai lịch, nguồn gốc sáng tác *Đại Nam Quốc sử diễn ca*, từ đời Tự Đức thứ 12 tức năm Ki Mùi (1859) [có vị ghi 1860, mà năm 1860 âm lịch là năm Canh Thân] nhà vua [Tự Đức] ra lệnh cho Quốc Sử quán sửa chữa sách *Sử kí Quốc ngữ ca*, *Thiên Nam ngữ lục*... để soạn một cuốn *Sử ca* từ năm Tự Đức thứ 8 (1855). Quốc sử quán liền lệnh cho Lê Ngô Cát và Trương Phúc Hào thân làm việc và soạn ra *Việt sử Quốc ngữ*.

Theo GS Hoàng Xuân Hãn thì đến năm 1865 ông Phạm Đình Toái tự ý đem bản “nhuận chính” trên mà chữa rất kĩ càng (...) ông lại đưa cho Phan Đình Thực sửa chữa. Kết quả ra sách *Đại Nam Quốc sử diễn ca* (1870)<sup>(10)</sup>. Thế cho nên các bản *Trí trung đường* (1870, 1873, 1881) *Liễu văn đường* (1908), *Quán văn đường* (không thấy ghi năm). Tiếp đó là các bản nôm khắc in Giáp tí (Khải Định thứ 4–1924) và cuối cùng là bản in lại của *Quảng Thịnh đường* năm 1933 ở Hà Nội<sup>(11)</sup>.

Đó là nhận định và ý kiến của Đinh Xuân Lâm, Chu Thiên trong sách *Đại Nam Quốc sử diễn ca* do hai ông phiên âm, hiệu đính, chú thích và giới thiệu trên sách đã dẫn vì theo hai nhà nghiên cứu này thì không còn bản thảo nào khác. Do đó nhị vị viết một cách chắc chắn (cả ông Nguyễn Khắc Thuần cũng vậy) rằng:

“Bản khắc đầu tiên vào năm 1870, do hiệu *Trí trung đường* ở Hà Nội phụ trách. Đến năm Tân tị, Tự Đức thứ 34 (1881), hiệu Trí trung đường khắc lại, hiện Thư viện khoa học còn giữ một bản (kí hiệu AB.328). Năm Mậu thân, Duy Tân thứ hai (1908), *Liễu văn đường* cũng khắc lại (kí hiệu Thư viện Khoa học VNV.I) Tiếp đó là bản nôm khắc in năm Giáp tí, Khải Định thứ 9 (1924) của *Quảng Thịnh đường* ở Hàng Gai (kí hiệu Thư viện khoa học VNV.207) và cuối cùng là bản in lại cũng của *Quảng Thịnh đường* năm 1933 ở Hà Nội<sup>(12)</sup>.

Như vậy các nhà phiên âm, chú thích, giới thiệu... *Đại Nam Quốc sử diễn ca* từ bản Xuân Lan (1914) Nguyễn Trọng Doanh và Đoàn Như Khuê (1937) Nguyễn Đỗ Mục (1943) Bùi Kỷ và Nguyễn Quang Oánh (1944), Hoàng Xuân Hãn (1949) Đinh Xuân Lâm và Chu Thiên (1966) đến Nguyễn Khắc Thuần (2007) đều một mực cho rằng tác giả bộ sách trên là của Lê Ngô Cát và Phạm Đình Toái.

Trong khi đó các nhà chú thích, giới thiệu... *Đại Nam Quốc sử diễn ca* trong Nam từ Duy Minh Thị (1874) Trương Vĩnh Ký (1875), Phan Văn Hùm (1938) đều xác định tác giả bộ sử ca này là của Lê Ngô Cát và Đặng Huy Trứ (Đặng Huy Trứ là người hiệu chính). Điều khẳng định này được thấy rõ qua bản khắc in (ở Quảng Đông) này (xin xem bản chữ Nôm in ở sau); nhất là phần phủ chính, chú thích rất rõ ràng và khúc chiết (xem thêm bản dịch chữ Hán).

Chính vì vậy chúng tôi rất phấn khởi và mạnh dạn làm công việc nhiều khê, phức tạp này để giới thiệu đến độc giả xa gần và nhân đây có thể đính chính một số ngộ nhận khác đã có từ lâu trong văn học sử nước nhà.

Tóm lại, theo chúng tôi hiện *Đại Nam Quốc sử diễn ca* (chữ Nôm) có hai bản khắc gỗ:

- Một bản khắc in do nhà *Trí trung đường, Quảng thịnh đường, Liễu văn đường* là bản khắc in trong nước do *Đặng Huy Trứ, Phạm Đình Toái* hiệu đính và các bản này được phổ biến rộng rãi ở miền Bắc.

- Một bản khắc in ở *Quảng Đông (TrQ) Kim Ngọc lâu tàng bản*, do *Đặng Huy Trứ, Duy Minh Thị* phủ chính, chú thích, và bản này phổ biến ở miền Nam chứ không phải như hai nhà chú thích, phiên âm, hiệu đính... *Đình Xuân Lâm, Chu Thiên* khẳng định kiểu “ba bó một giạ” rằng: “hoàn toàn không cần thiết phải tạo ra một cuốn thứ ba nữa”<sup>(13)</sup>. Phải chăng theo nhị vị không có bản khắc in khác của *Trí trung đường, Liễu văn đường, hay Quảng thịnh đường*...

Hiện nay trong tủ sách gia đình, chúng tôi còn lưu giữ được cái bản *Đại Nam Quốc sử diễn ca* chữ Quốc ngữ sau:

- *Bản Trương Vĩnh Ky* (1875, Sài Gòn)<sup>(14)</sup>

- *Bản Hoàng Xuân Hãn* (1949, 1952, 1956, Sài Gòn)<sup>(15)</sup>

- *Bản Đình Xuân Lâm và Chu Thiên* (1966, Hà Nội)<sup>(16)</sup>

- *Bản Nguyễn Khắc Thuần* (2007, Hà Nội, Cần Thơ)<sup>(17)</sup>

Trong 4 bản trên thì *bản Trương Vĩnh Ký* phiên âm và in như một tập thơ, không chú thích, giảng giải... theo đúng chủ trương của người phiên âm là “*Ta chép sách này ra quốc ngữ có ý cho trẻ con các trường, trước là coi cho biết truyện, sau là tập viết cho trúng tiếng, trúng dấu cho quen.*” Chứ không phải là một công trình nghiên cứu, khảo dị văn học cổ; tuy rằng ông là một nhà khoa học. Ở đây họ Trương chỉ làm công việc phổ thông, thực tế là khi chữ Quốc ngữ mới phôi thai ở Nam Kỳ (1875) vào thời điểm trên. Đó là công mở đường cho nền văn học mới của học giả họ Trương.

Riêng ba bản sau được giới thiệu với tinh thần nghiên cứu – nhất là bản Hoàng Xuân Hãn – một áng văn cổ của văn học dân tộc. Mỗi công trình đều có nét đặc thù của một tác phẩm văn chương cổ Việt Nam mà cũng là *bản sử ca dân tộc*. Do vậy, phần phiên âm, khảo dị, chú thích này chúng tôi chỉ khảo dị, so, đọ với bản HXH là chính, còn các bản sau chỉ là phụ khảo thôi, vì dù sao bản HXH vẫn là tác phẩm đầu tiên nghiên cứu *Đại Nam Quốc sử diễn ca* với tinh thần khoa học thuần túy văn sử, nên có thể tránh được ý niệm chủ quan của người khảo luận tác phẩm văn sử cổ.

*Duy Minh Thị* là một tác gia và cũng là một trong những người giữ bản khắc gỗ, chú thích - phần Hán Văn - trước nhất tác phẩm này như trên đã viết. Công trình này của cụ Phan Văn Hùm bị dỡ dang đã 70 năm (1938) nay mới tìm thấy lại. Ấy có thể là do mối duyên hàn mạt và sự tình cờ hiếm có mà biên giả sưu tầm lại đủ cả hai phần *Quốc ngữ* và *Nôm* của cổ khổ chủ.



Nay tôi tiếp tục phiên âm, chú thích phần còn lại (744 câu) nhằm trân trọng cung hiến độc giả yêu cổ văn xa gần để thưởng thức một áng văn cổ mà cũng là bản sử ca hiếm có của Văn học và Sử học Việt Nam.

Theo đây biên giả tóm tắt tiểu sử và tác phẩm của ba vị có liên quan đến *Đại Nam Quốc sử diễn ca* là Lê Ngô Cát, Đặng Huy Trứ và Duy Minh Thị đối với Văn học sử Việt Nam.

Trong bản dịch này chúng tôi (NQT) chưa thêm ngày tháng âm lịch, dương lịch của từng triều đại, năm lên ngôi, năm mất của từng vị vua trong biên niên sử Việt Nam mà trong nguyên tác không có. (Phần chưa thêm năm Dương lịch này cũng rất tốn công vì phải tham khảo một số sách sử học, lịch học). Còn các sai sót khác có trong sách là trách nhiệm của biên giả (NQT).

*Gia Định tháng 12-2008*

**NQT**

## LÊ NGÔ CÁT

(1827 - 1875)

*Danh sĩ, sử gia* đời vua Tự Đức, tự Bá Hanh, hiệu Trung Mại, quê xã Hương Lang, huyện Chương Đức tỉnh Hà Đông (nay thuộc huyện Chương Mỹ, tỉnh Hà Tây), con cụ Lê Ngô Duệ. Năm Mậu thân 1848 ông đỗ cử nhân, sơ bổ giáo thụ phủ Kinh Môn (Hải Dương) ít lâu bổ tri huyện Thất Khê (Lạng Sơn) rồi thăng Hàn lâm viện biên tu.

Năm Mậu ngọ 1858, làm việc ở Quốc sử quán, sau làm Án sát Cao Bằng.

Trong năm Kì vị 1859, ông được Phan Thanh Giản đề cử, cùng với Trương Phúc Hào dự vào việc hiệu đính *Việt sử ca* hay *Sử kí quốc ngữ ca* tức *Đại Nam quốc sử diễn ca*.

Nguyên quyền *Đại Nam quốc sử diễn ca* theo truyền văn vốn của một tác giả vô danh ở cuối đời Lê, người tỉnh Bắc Ninh, khởi thảo và nộp vào viện Tập hiền năm Đinh tị 1857. Lê Ngô Cát sửa lại và chép tiếp thêm đến hồi vua Lê Chiêu Thống chạy sang Trung Quốc. Bộ sử này có Phạm Xuân Quế nhuận sắc. Đến Quý dậu 1873, Phạm Đình Toái có sửa chữa nữa, ba phần rút lấy một, rồi Phan Đình Thực, và các danh sĩ lại nhuận sắc thêm. Xong Phạm Đình Toái cho khắc ván in ở Trí Trung đường của quan Bình chuẩn Đặng Huy Trứ tiếp sức trong việc hiệu chính.

Lê Ngô Cát rất sành thơ lục bát. Còn truyền một giai thoại: khi ông dâng tập *Đại Nam quốc sử diễn ca* lên vua Tự Đức, Tự Đức đọc đến đoạn “Triệu thị” cỡi voi đánh quân Ngô,

phê “*Như thế hèn cho đàn ông nước Nam lắm*”, sau đó thưởng cho ông tám lạng và hai đồng tiền. Ông có câu tự biếm:

“*Vua khen thăng Cát có tài*

*Thưởng cho cái khó với hai đồng tiền*”.

Ông không tha thiết với công danh, nên chẳng bao lâu cáo quan về vui thú ruộng vườn.

Năm Ất Hợi 1875, ngày 20 tháng 5 chưa được phép cáo quan, ông mất tại lúc tại chức ở Cao Bằng, hưởng dương 48 tuổi<sup>(1)</sup>.

– **Đại Nam Quốc sử diễn ca** là một cuốn sử bằng thơ (lục bát) tóm tắt các sự việc lớn xảy ra trong nước ta từ đời Hồng Bàng đến cuối đời Tây Sơn. Sách rút từ các sử sách của Quốc sử quán, như: *Đại Việt sử kí toàn thư*, *Lê sử tục biên*...

Đặc điểm của sách là dùng văn Nôm và thể thơ lục bát. Bản ý của người soạn là làm *bài về về quốc sử* để cho mọi người, mọi giới đọc được và thích ý dễ nhớ. Thế cho nên mục đích của bản sử này là phổ thông cho người bình dân chứ không phải giành cho giới khảo cứu.

Theo nhiều nhà nghiên cứu, nhất là Phan Văn Hùm, Hoàng Xuân Hãn từng khẳng định Lê Ngô Cát là tác giả sách này cho nên năm 1874 khi khắc in ở Trung Quốc, Duy Minh Thị đã không ghi tên Phạm Đình Toái là người hiệu chính như các nhà nghiên cứu về *Đại Nam Quốc sử diễn ca*.

Các tác phẩm của ông gồm: *Đại Nam Quốc sử diễn ca* và một số câu đối tỏ chí đã được các nhà biên khảo sưu tầm in trên tạp chí *Tri Tân* năm 1943 ở Hà Nội.

Bài thơ *Vịnh thả diều* nói lên được thái độ thản nhiên tự tại của ông đối với xã hội và con người, khi con người đạt đến “đường mây”

“Xuân nhật nhàn du tác chi diên,

Bạch bì, trúc cốt dục phiên phiên.

Hung trung tổ uẩn lãng vân chí,

Thừa phi hùng phong điệt lệ thiên.”

Dịch thơ:

*Ngày xuân thong thả, thả diều chơi,*

*Da giấy xương tre bộ cánh dài.*

*Thăng bước đường mây lòng vốn ước,*

*Gió mây gặp hội cũng tung trời*

## ĐẶNG HUY TRÚ

(1825 - 1874)

*Danh sĩ* đời Thiệu Trị, hiệu Hoàng Trung, tục gọi *Bố Trứ* hoặc *Bố Đặng* vì từng làm *Bố chánh*, quê làng Bát Vọng, sau sang ngụ ở làng Thanh Lương, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên (nay là tỉnh Thừa Thiên – Huế).

Ông thuở trẻ dĩnh ngộ có tiếng là thần đồng, năm Đinh vị 1847, đỗ Hương tiến. Theo *Quốc triều Hương khoa lục* và *Quốc triều đặng khoa lục* thì ông thi Hương đỗ cử nhân, thi Hội đỗ tiến sĩ, đến khi vào thi Đình bị phạm húy nên bị cách và cấm trọn đời không được đi thi nữa.

Nguyên khoa thi Hội năm 1847, ông trúng cách (tức đậu Tiến sĩ) nhưng quan độc quyền là Hà Duy Phiên phát hiện bài thi ông viết có câu: “Gia hại chi miêu” (*hại lúa tốt*) như vậy là *phạm húy* vào tên làng vua (làng [Gia Miêu], tỉnh Thanh Hóa) nên ông bị đánh hỏng và bị truất cả bằng cử nhân đậu từ năm 1843. Sau ông đi dạy học nơi nhà một vị quan lớn, cảm vì tài học ông quan lớn ấy tâu vua xin cho ông thi lại. Ông đỗ Hương nguyên, thế là trước sau ông đã thi đỗ hai lần cử nhân, một lần Tiến sĩ.

Đời Tự Đức, ông làm Tri huyện, nổi tiếng thanh liêm rồi lần thăng Ngự sử rồi *Bố chánh* sứ Nam Định, sau đổi làm Biện lí bộ Hộ. Ông từng đi sứ các nước Trung Quốc, Triều Tiên, Xiêm (Thái).

Ông tích cực phục vụ dân nghèo, xin đặt ra ti *Bình chuẩn*, khi đầu mùa thì nhà nước mua lúa tàng trữ, khi mất mùa thì đem bán rẻ cho dân. Vua Tự Đức nghe theo và giao ông trách nhiệm điều khiển nhân viên trong ti ấy.

Sau, vì có kẻ vu cáo ông bị giáng làm Trước tác, sung Bang biện Ninh Thái. Tại đây, ông lãnh đạo quân dân Bắc Ninh, Thái Nguyên đánh Pháp xâm lược ở các tỉnh thượng và trung du Bắc Kỳ. Ông bị bệnh tại chiến trường rồi mất ở Đồn Vàng (chiến khu chống Pháp) năm Giáp Tuất (1874), sau đó thi hài được đưa về an táng tại quê nhà với sự thương tiếc của quốc dân và vua Tự Đức.

Ông bình sinh khảng khái, có chí lớn, nên khi ông mất, kẻ thức giả đều tiếc. Ông là tác giả và tự lo trông nom khắc các bộ:

- *Tùng chinh di qui*, (in ở *Trung Quốc*).

- *Hoàng Trung thi văn sao*

- *Tứ thập bát hiệu kỉ sự tân biên*.

- *Khang Hi canh chức đồ*.

- *Nhị vị tập*

- *Tứ thư văn uyển*
- *Bách duyệt tập*
- *Nhị hoàng di ái tập*
- *Đông Nam tập mỹ lục*
- *Nữ giới diễn ca*
- *Việt sử thánh huấn diễn nghĩa*
- *Đại Nam quốc sử diễn ca (hiệu chính)*

Theo các nhà văn bản học và nghiên cứu văn học thì hầu hết tác phẩm Đặng Huy Trứ in ít sai sót nhất (vì ông là chủ nhân *Trí trung đường* ở Hà Nội) cũng là một văn sĩ lớn của lịch sử văn học Việt Nam.

(Tham khảo, Nguyễn Q. Thắng, *Văn học Việt Nam nơi miền đất mới*, NXB Văn học, 2007, mục từ Đặng Huy Trứ)

Nhận xét *Đại Nam Quốc sử diễn ca* Giáo sư Hoàng Xuân Hãn cho rằng:

“Về phương diện sử kí, cuốn này chỉ là một công tác phổ thông, chứ không phải có tính cách khoa học. Cho đến các việc kể trong đó, cũng chỉ phác theo lối *triều đại sử*, kể chuyện thay vua đổi chúa phần lớn mà thôi. Đến như lịch sử sinh hoạt và văn hóa của dân tộc ta, thì thỉnh thoảng có một vài chi tiết đơn giản thôi.

Về phương diện văn chương, nhờ các tác giả vào bực túc nho, nên dùng tiếng, mượn điển một cách chính xác, gọn gàng. Nhưng cũng vì thế, văn kém phần giản dị. Văn thuộc loại tự sự, cố ý vắn tắt, cho nên tác giả ít khi gửi tâm tình vào” (HXH, *Đại Nam Quốc sử diễn ca*, NXB Trường Thi, 1956, Sài Gòn).

## DUY MINH THỊ

*Nhà văn*, tên thật là Trần Quang Quang viên chức hành chánh thời Pháp mới chiếm Nam Kỳ, nguyên quán huyện Duy Minh (tên cũ của phủ Hoàng An, tỉnh Vĩnh Long) sau là tỉnh Bến Tre, tên Nôm xưa gọi là *Rạch Nước Trong*, (nay thuộc huyện Mỏ Cày, tỉnh Bến Tre) không rõ năm sinh, năm mất.

Thuở nhỏ ông học tập tại Gia Định, ngụ tại *Xóm Dầu* (An Bình) Chợ Lớn, nên sau khi viết văn còn lấy bút danh là *Phụng Du Lí* (người Xóm Dầu Phụng).

Năm 1862-1863 Pháp chiếm ba tỉnh miền Đông Nam Kỳ, ông chuyển sang học Pháp ngữ. Sau vào học *Trường Thông ngôn Nam Kỳ*, tốt nghiệp được bổ làm *Kinh lịch* (lettré) tại Chợ Lớn (thuộc Sài Gòn nên gọi là *Gia Định thành Duy Minh Thị*).

Ngoài thì giờ làm công chức của chính quyền thuộc địa, ông còn cầm bút chuyên sưu tầm, biên soạn, phóng tác một số sách về văn, sử, địa Việt Nam vào triều Nguyễn.

Các tác phẩm còn tìm thấy:

– *Lục Vân Tiên* (đính chánh bản Nôm), sao chép từ bản đầu tiên được khắc in, trên đầu sách ghi “*Gia Định thành Duy Minh Thị đính chánh - Phạt sơn Bửu Hoa các tàng bản, 1865 tỉnh Quảng Đông Trung Quốc*”.

Đây là bản chép đầu tay do các môn đệ Nguyễn Đình Chiểu chép lại. Ông chép lại đính chính và khắc in ở *Phạt Sơn Bửu Hoa các tàng bản*, tỉnh Quảng Đông (Tr.Q), là bản in sớm nhất (1865).

– *Đoạn trường tân thanh* (đính chính bản Nôm, 1872) cũng do Duy Minh Thị khắc in ở Quảng Đông (TrQ).

Theo các nhà *Kiều học*, nhất là GS Hoàng Xuân Hãn thì *bản Duy Minh Thị* là bản gần với nguyên tác của Tố Như nhất. Trong 9 bản *Kiều* mà ông có được, sau khi khảo di, nghiên cứu kỹ càng theo ông thì bản này sát nhất những gì mà Nguyễn Du viết. Tham khảo: Nguyễn Tài Cẩn, *Tư liệu truyện Kiều (từ bản Duy Minh Thị đến bản Kiều Oánh Mậu)*. NXB Văn học và T.T nghiên cứu Quốc học, 2004. Bản *Kiều (Đoạn trường tân thanh)* do Duy Minh Thị khắc in là bản được GS Hoàng Xuân Hãn xem như là truyền bản đứng đầu danh sách 8 bản *Kiều* mà GS Hoàng đã tham khảo.

Hiện chúng tôi (NQT) có lưu giữ một số bản *Kiều* này. Ý kiến trên chúng tôi nhắc lại ý kiến của GS Nghiêm Xuân Hải nghĩa tể GS Hãn và là người bảo quản các tư liệu, tác phẩm và di cảo Hoàng Xuân Hãn tại Paris. Điều này GS từng khẳng định với chúng tôi tại Pháp, khi chúng tôi trao đổi về bản Nôm *Chinh phụ ngâm* của Phan Huy Ích và *Kiều tâm nguyên* của GS Hoàng Xuân Hãn. Hi vọng *Kiều tâm nguyên* sẽ xuất bản trong một ngày gần đây ở Việt Nam do sự thỏa thuận và đồng ý của GS Nghiêm Xuân Hải.

– *Đại Nam thực lục*: bộ sách này gồm 4 quyển, tác giả dựa theo bộ *Thực lục* của Quốc sử quán triều Nguyễn viết về các việc xảy ra trong triều Nguyễn từ chúa Nguyễn đến đời Gia Long. Nhất là về việc Nguyễn Ánh từng phong trần ở Nam Kỳ mà tác giả gọi là “*Gia Long tẩu quốc*”. Bộ sách này năm 1943, Đặng Thúc Liêng chuyển thành thơ lục bát in trên *Đại Việt tập chí* của Hồ Biểu Chánh ở Long Xuyên.

– *Nam Kỳ lục tỉnh* là một cuốn địa dư về đất nước Nam Kỳ xưa, nội dung tương tự *Gia Định thành thông chí* của Trịnh Hoài Đức, nhưng giản lược hơn.

*Nam Kỳ lục tỉnh* còn gọi *Nam Kỳ Dư địa chí* là một tác phẩm địa lí học mô tả về diện tích, lịch sử, đất đai và con người đất Nam Kỳ thuở chúa Nguyễn mới khai thác. Ngoài các

mục vừa kể, tác giả còn điểm xuyết một ít thơ ca về đất nước, con người Nam Kỳ lúc đương thời.

Nhân đây xin bổ túc về nơi nhau rún của ông (DMT) như cổ sự sau:

Trong bản dịch của mình Thượng Tân Thị kể về sách *Nam Kỳ dư địa chí* về từ *Cùm* và *Rạch đôi ma*, Trương Vĩnh Ký gọi là *Sông ma* hay *Tình trình giang tức Vàm Nước trong gần đây*. Tại đây có miếu thờ một cặp tình nhân chết trên rạch, người đương thời đặt là *rạch Đôi Ma*. Đương thời quân Tây Sơn khi đi ngang qua rạch nghe: *đôi ma* vừa sợ, vừa ghét... cho đập miếu thờ ngay bên rạch, nên nay không còn <sup>(18)</sup>.

Tương truyền có một cặp trai gái yêu nhau mà cha mẹ hai đảng không khứng. Ban đêm hai người đu dắt nhau qua rạch đi trốn, không dè qua giữa rạch, nước xiếc bơi không nổi, chết đuối. Khi nổi lên, hai người còn ôm chặt lấy nhau, gỡ không ra, cha mẹ hai bên thấy vậy thương tình cho chôn chung hai người một huyệt. Và sau đó, người đời cho cất miếu thờ gần bên rạch, vong linh hai người đêm đêm vào ở trong miếu ú ớ, nên có người làm thơ <sup>(19)</sup> truy điệu hai hồn ma. Hồi cuối thế kỉ XIX có một tác giả (khuyết danh) cảm cảnh và sự kiện này có thơ đề vịnh.

*Vực hãm cây cao chiếm một tòa  
Sống không li cặp chết **Đôi Ma**.  
Hồn hoa đem gởi chòm mây bạc,  
Phách quế nương theo bóng nguyệt tà.  
Con nước chảy rờn rồi kể lớn,  
Tấm lòng có bậu lại cùng qua.  
Căn duyên ai khiến xui cho đấy,  
Tiếng để ngàn thu cũng cũng là.*

Khi dịch cuốn sách của Duy Minh Thị, Thượng Tân Thị (Phan Quốc Quang) năm 1907 có làm bài đề vịnh về cổ sự này.

*Trải qua **Rạch Kiếng** ác chinh chinh  
Nghe nói **Đôi Ma** bắt lạnh mình.  
Thảm nỗi con nhà sanh bất hiếu,  
Ngán cho giọt nước khéo vô tình.  
Sống thê chưa vẹn duyên kim cải  
Thác nguyện cùng theo chốn thủy tinh.  
Ai hỏi hồn thiêng như có biết,  
Tiếng đờn lượn sóng nổi linh đình.*

(Thượng Tân Thị, *Nam Kỳ lục tỉnh địa dư chí*.)

Về sau (1909) Nguyễn Liên Phong cũng viết về *rạch Đôi Ma* như sau:

“*Đôi bên cha mẹ ngậm ngùi,*

*Nghĩ duyên tức tối sứt sùi thờ than!  
Tử đồng huyết, sanh đồng sàng,  
Cho chôn chung lại một phang mộ phần.  
Hồn linh hiển hiện nhiều lần,  
Người ta ngó thấy kêu rằng **Đôi Ma**".<sup>(1)</sup>  
(**Nam Kỳ phong tục nhưn vật diển ca**).*

Và bản *Đại Nam Quốc sử diển ca* này (khắc in năm 1874) cũng tại Quảng Đông như các cuốn trên.

Điều đáng nói và chú ý là hầu hết các tác phẩm Hán Nôm của Duy Minh Thị đều khắc gỗ và in ở Quảng Đông (TrQ) nên ít sai sót so với các sách khắc gỗ ở Việt Nam.

### **Chú thích**

(1) Phạm Đình Toái, Lời *Tựa* in lần thứ hai, *Tự Đức* năm 26, Quý Dậu mùa hè, *Đại Nam Quốc sử diển ca* (bản Quốc ngữ) do Giáo sư Hoàng Xuân Hãn dẫn trong *Đại Nam Quốc sử diển ca*, NXB Sông Nhị Trường Thi, Hà Nội 1949, Sài Gòn 1956.

(2) Theo Hoàng Xuân Hãn giới thiệu trong *Sách đã dẫn*

(3) Nguyễn Q. Thắng, *Tuyển tập Phan Văn Hùm, NXB Văn hóa – Thông tin, 2002. Phan Văn Hùm (1902-1946) tốt nghiệp Cao đẳng Công chánh (Hà Nội), cử nhân, cao học triết học tại Sorbonne – Paris. Ông là tác giả nhiều công trình về triết học, văn học cổ Việt Nam đã xuất bản trước năm 1964.*

(4) Các cuốn trên đều do NXB Tân Việt xuất bản tại Hà Nội và Sài Gòn từ 1936-1964.

(5) Báo *Tự do* số 1 ngày 01 tháng 10 năm 1938, Sài Gòn

(6) Phan Văn Hùm viết "*Chỉ nghe truyền rằng*" nhưng sự thật là Lê Ngô Cát đã vâng lệnh Quốc sử quán (vua Tự Đức) chính thức viết nên trong tác phẩm này như ông viết:

*"Lan Đài dừng bút thành thơ*

*Vâng đem quốc ngữ, diển lời sử xanh".*

Do đó GS Hoàng Xuân Hãn viết "*Vậy ông (LNC) đã vâng lời vua lấy sử bằng Hán văn rồi ông dịch hoàn toàn mới*" (Hoàng Xuân Hãn *sđd*, xem thêm tiểu sử Lê Ngô Cát. Và lại ý kiến này chỉ "nghe truyền" Phan Văn Hùm viết từ năm 1938 thì lúc đó chưa ai nghiên cứu về *Đại Nam Quốc sử diển ca*.)

(7) Hoàng Xuân Hãn, *Tựa và Dẫn* trong *Đại Nam Quốc sử diển ca*... Trường Thi tái bản, 1956, Sài Gòn.

(8) P.J.B Trương Vĩnh Ký, *Đại Nam Cuộc sử diễn ca*, Note, Bản in Nhà nước, Sài Gòn, 1875 trang I, II.

(9) P.J.B Trương Vĩnh Ký, *Đại Nam Cuộc sử diễn ca*, Sài Gòn, Bản in Nhà nước, 1875, trang III

(10) Hoàng Xuân Hãn, *Sách đã dẫn* trg 18-19

(11)(12) Đinh Xuân Lâm, Chu Thiên, *Đại Nam quốc sử diễn ca*, Đinh Xuân Lâm, Chu Thiên phiên âm..., NXB Văn học, 1966, Hà Nội.

(13) Đinh Xuân Lâm, Chu Thiên, *Sđd*

(14) Bản in Nhà nước 1875, Sài Gòn

(15) NXB Sông Nhị Hà Nội, Trường Thi Sài Gòn 1952, 1956

(16) NXB Văn học Hà Nội, 1966

(17) NXB Giáo dục, Cần Thơ, 2007

(18) Theo Trịnh Hoài Đức, *Gia Định thành thông chí*, bản dịch của Tu Trai Nguyễn Tạo, Sài Gòn 1972 Trương Vĩnh Ký, Thượng Tân Thị, hoặc Lý Việt Dũng chú dịch, NXB Đồng Nai, 2004. Theo Trịnh Hoài Đức thì người con trai họ Nguyễn, người con gái họ Phạm không được lấy nhau công khai nên bỏ trốn rồi gặp nạn.

(19) *Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam*, 2006.



# Đại Nam Quốc Sử diễn ca

Lê Ngô Cát & Phạm Đình Toái

Thời kỳ mở nước (Thế kỷ 29 - thế kỷ 2 trước TL)

Nhà Hồng Bàng (2879 - 256 trước TL)

## 1. Mở đầu

Nghìn thu gặp hội thăng bình,  
Sao Khuê sáng vẽ văn minh giữa trời  
Lan đài dừng bút thành thời,  
Vâng đem quốc ngữ diễn lời sử xạnh  
Nam giao là cõi ly minh,  
Thiên thư định phận rành rành từ xưa  
Phé hưng đổi mấy cuộc cờ,  
Thị phi chép để đến giờ làm gương

## 2. Kinh Dương Vương

Kể từ trời mở viêm bang,  
Sơ đầu có họ Hồng bàng mới rạ  
Cháu đời Viêm đế thứ ba,  
Nổi dòng Hoả đức gọi là Đế mịnh  
Quan phong khi giá Nam hành,  
Hay đâu Mai lĩnh duyên sinh Lam kiều,  
Vụ tiên vừa thuở đào yêu,  
Xe loan nổi gót, tơ điều kết duyên  
Dòng thần sánh với người tiên,  
Tinh anh nhóm lại, thánh hiền nổi ra,  
Phong làm quân trưởng nước ta,  
Tên là Lộc tục, hiệu là Kinh dương  
Hoá cơ dựng mối luân thường  
Động đình sớm kết với nàng Thần lọng  
Bến hoa ứng về lưu hồng  
Sinh con là hiệu Lạc long trị vị

## 3. Lạc Long Quân và Âu Cơ

Lạc long lại sánh Âu cơ  
Trăm trai diễm ứng hùng bi lạ dựng  
Noãn bào dù chuyện hoang đường,

Ví xem huyền diệu sinh Thương khác gì  
Đến điều tan hợp cũng kỳ,  
Há vì thủy hỏa sinh ly như lời,  
Chia con sự cũng lạ đời,  
Qui sơn, qui hải khác người biệt ly  
Lạc long về chốn Nam thủy,  
Âu cơ sang nẻo Ba vì Tản viện  
Chủ trương chọn một con hiền,  
Sửa sang việc nước nổi lên ngôi rộng

#### 4. Hùng Vương và nước Văn Lang

Hùng vương đô ở châu Phong,  
Ấy nơi Bạch hạc hợp dòng Thao giang  
Đặt tên là nước Văn lang,  
Chia mười lăm bộ, bản chương cũng liên  
Phong châu, Phúc lộc, Chu diên,  
Nhận trong địa chí về miền Sơn tây;  
Định yên, Hà nội đổi thay,  
Ấy châu Giao chỉ xưa nay còn truyện  
Tân hưng là cõi Hưng, Tuyên,  
Vũ ninh tỉnh Bắc, Dương tuyên tỉnh Đông;  
Thái, Cao hai tỉnh hỗn đồng,  
Ấy là Vũ định tiếp cùng biên manh;  
Hoài hoan: Nghệ; Cửu chân: Thanh;  
Việt thường là cõi Trị, Bình trung châu  
Lạng là Lục hải thượng du  
Xa khơi Ninh hải thuộc vào Quảng yện  
Bình văn, Cửu đức còn tên,  
Mà trong cương giới sơn xuyên chưa tượng  
Trước sau đều gọi Hùng vương,  
Vua thường nổi hiệu, quan thường nổi tên  
Lạc hầu là tướng điều nguyên,  
Vũ là Lạc tướng giữ quyền quân cơ;  
Đặt quan Bô chinh hữu tư  
Chức danh một bực, đẳng uy một loại

#### 5. Giao thiệp với Trung Hoa

Vừa khi phong khí sơ khai,  
Trình nguyên xẩy đã gặp đời Đế Nghiêu  
Bình dương nhật nguyệt rạng kiêu,  
Tám lòng qui, hoắc cũng đều hướng dượng  
Thần quy đem tiến Đào đường,  
Bắc Nam từ ấy giao bang là đậu  
Man dân ở chốn thượng lưu,  
Lấy nghề chài lưới làm điều trị thịnh  
Thánh nhân soi xét vật tình,  
Đem loài thủy quái vẽ mình thổ nhận  
Từ sau tục mới văn thân,

Lợi dân đã đầy, hại dân cũng trự  
Đôi truyền một mối xa thư,  
Nước non đầm ám, mây mưa thái bịnh  
Vừa đời ngang với Chu Thành,  
Bốn phương biển lặng, trời thanh một mậu  
Thử thăm Trung quốc thể nào,  
Lại đem bạch trĩ dâng vào Chu vượng  
Ba trùng dịch lộ chưa tường,  
Ban xe tí ngọc chỉ đường Nam quy

## 6. Chuyện Phù Đổng Thiên Vương

Sáu đời Hùng vận vừa suy,  
Vũ ninh có giặc mới đi cầu tài,  
Làng Phù đổng có một người,  
Sinh ra chẳng nói, chẳng cười trợ  
Những ngờ oan trái bao giờ  
Nào hay thần tướng đợi chờ phong vận  
Nghe vua cầu tướng ra quân,  
Thoắt ngồi, thoắt nói muôn phần khích ngượng  
Lời thưa mẹ, dạ cần vượng  
Lấy trung làm hiếu một đường phân minh  
Sứ về tâu trước thiên đình,  
Gươm vàng, ngựa sắt đề binh tiến vạo  
Trận mây theo ngọn cờ đào,  
Ra uy sấm sét, nửa chiều giặc tận  
Áo nhung cởi lại Linh san,  
Thoắt đà thoát nợ trần hoàn lên tiệp  
Miếu đình còn dầu cố viên,  
Chẳng hay chuyện cũ lưu truyền có khởng

## 7. Chuyện Sơn Tinh và Thủy Tinh

Lại nghe trong thừa Lạc Hùng  
Mị châu có ả tư phong khác thường,  
Gần xa nức tiếng cung trượng  
Thừa long ai kể đông sàng sánh vãi  
Bỗng đầu vừa thấy hai người,  
Một Sơn tinh với một loài Thủy tinh,  
Cầu hôn đều gửi tấc thành,  
Hùng vương mới phán sự tình một hại  
Sính nghi ước kịp ngày mai,  
Ai mau chân trước, định lời hứa ạnh  
Trống lầu vừa mới tan canh,  
Kiệu hoa đã thấy Sơn tinh chực ngoại  
Ước sao lại cứ như lời,  
Xe loan trăm cỗ đưa người nghi giả  
Cung đàn tiếng địch xa xa,  
Vui về non Tản, oán ra bể Tận  
Thủy tinh lờ bước chậm chân,

Đùng đùng nổi giận, đem ân làm thụ  
Mưa tuôn gió thổi mịt mù,  
Ào ào rừng nọ, ù ù núi kia,  
Sơn thần hoá phép cũng ghê,  
Lưới giăng dòng Nhị, phen che ngàn Đoại  
Núi cao sông cũng còn dài,  
Năm năm báo oán, đời đời đánh ghen

## 8. Chuyện Chử Đồng Tử và Tiên Dung

Bổ di còn chuyện trích tiên,  
Có người họ Chử ở miền Khoái chậu  
Ra vào nường nấu hà chậu  
Phong trần đã trải mấy thân cùng ngượi  
Tiên dung gặp buổi đi chơi,  
Giỏ đưa Đẳng các, buồm xuôi Nhị hà,  
Chử đồng ẩn chốn bình sa  
Biết đâu gặp gỡ lại là túc duyên  
Thừa lương nạng mới dừng thuyền,  
Vây màn tắm mát kê liền bên sộg  
Người thực nữ, kẻ tiên đồng,  
Tình cờ ai biết vợ chồng duyên ựa  
Giận con ra thói mây mưa,  
Hùng vương truyền lệnh thuyền đưa bắt vệ  
Non sông đã trót lời thề,  
Hai người một phút hoá về Bồng châu,  
Đông an, Dạ trạch đâu đâu,  
Khói hương nghi ngút truyền sau muôn đời

## 9. Hết đời Hồng Bàng

Bể dâu biến đổi cơ trời,  
Mà so Hồng Lạc lâu dài ai hờn  
Kể vua mười tám đời truyền,  
Hai ngàn năm lẻ vững bền khôn lạy  
Một dòng phụ đạo xưa nay,  
Trước ngang Đường đế sau tầy Noãn vương

## ịi Nhà Thục (258 - 207 trước TL)

### 1. Thần Kim Quy giúp vua Thục

Thục từ dứt nước Văn lang  
Đổi tên Âu lạc, mới sang Loa thành  
Phong Khê là đất Vũ Ninh,  
Xây thôi lại lở, công trình biết bao  
Thục vương thành ý khẩn cầu,  
Bồng đầu giang sứ hiện vào kim qui  
Hoá ra thừa nói cũng kỳ,  
Lại tường cơn cố bởi vì yêu tịnh

Lại hay phù phép cũng linh,  
Vào rừng sát quỷ, đào thành trừ huyệt  
Thành xây nửa tháng mà xong  
Thục vương cảm tạ tấm lòng hiệu lệnh  
Lại bàn đến sự chiến tranh,  
Vuốt thiêng để lại tạ tình quân vương  
Dặn sau làm máy Linh quang,  
Chế ra thần nổ, dự phòng việc quận  
2. Trung quốc đánh Âu Lạc

Bấy giờ gặp hội cường Tần,  
Tầm ăn lá Bắc, toan lần cảnh Nam  
Châu cơ muốn nặng túi tham,  
Đồ Thư, Sử Lộc sai làm hai chị  
Lĩnh nam mấy chốn biên thuỳ,  
Quế lâm, Tượng quận thu về bản chượng  
Đặt ra uỷ, lệnh rõ ràng,  
Họ Nhâm, họ Triệu sai sang giữ gìn  
Hai người thống thuộc đã quen,  
Long xuyên, Nam hải đôi bên lẩn dận  
Chia nhau thủy bộ hai quân,  
Tiên du ruổi ngựa, Đông tân đồ thuyền  
Thục vương có nổ thần truyền,  
Muôn quân buông một lượt tên còn gì  
Nhâm Hiêu mắc bệnh trở về,  
Triệu Đà lại khiến sứ đi xin hoà  
Bình giang rạch nửa sơn hà  
Bắc là Triệu uỷ Nam là Thục vương

### 3. Trọng Thủy và Mị Châu

Mặt ngoài hai nước phân cương,  
Mà trong Triệu là mượn đường thông gia,  
Nghĩ rằng: Nam Bắc một nhà;  
Nào hay hôn cấu lại ra khẩu thụ  
Thục cơ tên gọi Mị Châu  
Gả cho Trọng Thủy, con đầu Triệu vương  
Trăm năm đã tạc đá vàng,  
Ai ngờ thế tử ra đàng phụ ận  
Tóc tơ tổ hết xa gận  
Thừa cơ đem máy nổ thần đổi đi,  
Tĩnh thân giả tiếng Bắc qui  
Đình ninh dận hết mọi bề thủy chung  
Rằng: " Khi đôi nước tranh hùng,"  
" Kê Tần người Việt tương phùng đầu đầy"  
" Trùng lai dù hoạ có ngày,"  
" Nga mao xin nhận dấu này thấy nhau"  
Cạn lời, thẳng ruổi vó câu,  
Quản bao liễu oán, hoa sầu nở xạ

#### 4. Triệu Đà diệt Thục

Giáp binh sắp sẵn từ nhà,  
Về cùng Triệu úy, kéo ra ải Tần,  
An dương cây có nở thận  
Vi kỳ còn hãy ham phần vui chơi,  
Triệu quân ruổi đến tận nơi  
Máy thiêng đã mất, thế người cũng suy  
Vội vàng đến lúc lưu li,  
Còn đem ái nữ đề huề sau yên  
Nga mao vẫn cứ lời nguyên,  
Để cho quân Triệu theo liền bông tịnh  
Kim qui đâu lại hiện linh;  
Mới hay giấc ở bên mình không xa,  
Bây giờ Thục chúa tỉnh ra,  
Dứt tình, phó lưới Thái a cho nàng,  
Bể Nam đến bước cùng đường,  
Văn tê theo ngọn suối vàng cho xuôi  
Tính ra nước Thục một đời,  
Ở ngôi vừa được năm mươi năm trọn  
Nghe thần rồi lại tin con;  
Cơ mưu chẳng nhiệm, thôi còn trách ải

#### iii Nhà Triệu (207 - 111 trước TL)

##### 1. Triệu Vũ Vương thần phục nhà Hán

Triệu Vương thay nổi ngôi trời,  
Định đô cứ hiểm đóng ngoài Phiên ngu .  
Loạn Tần gặp lúc Ngư Hồ ,  
Trời nam riêng mở dư đồ một phượng  
Rồng Lưu bay cõi Phiếm dương ,  
Mới sai Lục Giả đem sang ấn phù .  
Cõi nam lại cứ phong cho,  
Biên thủy gìn giữ cơ đồ vững ạn  
Gặp khi gà Lữ gáy càn ,  
Chia đôi Hán, Việt lại toan sinh lọng  
Vì ai cấm chợ ngăn sông,  
Để cho dứt nẻo quan thông đôi nhạ  
Thân chinh hỏi tội Trảng sa  
Mân, Âu muôn dặm mở ra một lạn  
Hán Văn lấy đức mục lân,  
Sắc sai Lục giả cứu thần lại sạng  
Tỉ thư một bức chiếu vàng,  
Ngỏ điều ân ý, kể đường thủy chung  
Triệu vương nghe cũng bằng lòng,  
Mới dâng tạ biểu một phong vào chầu  
Ngoài tuy giữ lễ chư hầu,  
Trong theo hiệu để làm đầu nước tạ  
Trăm hai mươi tuổi mới già,

Tính năm ngựa vị kể già bảy mươi

## 2. Triệu Văn Vương và Triệu Minh Vương

Văn vương vừa nổi nghiệp đời,  
Lửa binh đâu lại động ngoài biên cương  
Phong thư tâu với Hán hoàng,  
Nghĩa thanh sớm đã giục đường cất quận  
Vương Khôi vâng lệnh tướng thần,  
Ái lang quét sạch bụi trần một phượng  
Hán đình có chiếu ban sang,  
Sai con Triệu lại theo đường cống nghị  
Xe rồng phút bỗng mây che,  
Minh vương ở Hán lại về nổi ngôi  
Bọm già bỗng rầm hoạ thai,  
Vợ là Cù thị vốn người Hàm đan  
Khuyh thành quen thói hồng nhan,  
Đã chuyên sủng ái lại toan tranh hạnh  
Dâng thư xin với Hán đình,  
Lập con thế tử, phong mình cung phị

## 3. Cù thị xin nhập Hán

Ai vương thơ ấu nổi vì,  
Mẹ là cù hậu, nhiều bề riêng tỵ  
Cầu phong đã ráp những ngày,  
Ngoài thông Bắc sứ trong gầy lệ giai  
Khéo đâu dắc dứ lạ đời,  
Sứ là Thiệu Quý vẫn người tình nhận  
Hoa tàn lại bén hơi xuân,  
Giao hoan đôi mặt, hoà thân một lọng  
Nghĩ rằng: về Hán là xong,  
Tình riêng phải mượn phép công mới giả  
Làm thư gửi sứ đưa qua;  
Mẹ con đã sắm sửa ra sang chậu

## 4. Lữ Gia phá mưu Cù Thị

Lữ Gia là tướng ở đậu  
Đem lời can gián bày mưu xa gận  
Một hai ngàn đón hành trần:  
" Để cho Triệu bích về Tần sao nện"  
Nàng Cù đã quyết một bện  
Lại toan mượn lấy sứ quyền ra tạy  
Tiệc vui chén cúc giờ say,  
Mắt đưa cao thấp, giáo lay dùng dặng  
Đang khi hoan yến nửa chừng,  
Lữ Gia biết ý ngập ngừng bước rạ  
Chia quân cấm lữ về nhà,  
Tiềm mưu mới hợp năm ba đại thận

Đôi bên hiềm khích thêm phần  
Mụ Cù yếu sức, sứ thần non gạn

### 5. Hán đánh Nam Việt

Vũ thư đạt đến Nam quan,  
Hán sai binh mã hai ngàn kéo sang  
Lữ Gia truyền hịch bốn phương:  
Nổi Hưng thơ đại, nổi nàng dâm ô;  
Tình riêng chim Việt ngựa Hồ,  
Chuyên vắn báu ngọc các đồ sạch khộng  
Rắp toan bán nước làm cộng  
Quên ơn thừa trước, không lòng mai sau  
Cũng tuồng Lữ Trĩ khác đâu,  
Chòi non chẳng bẻ, rễ sâu khó đạo  
Quan binh một trận đổ vào,  
Lửa nào tiếc ngọc, nắng nào tiếc hoạ

### 6. Nhà Triệu mất

Vệ Dương lên nối nghiệp nhà,  
Trong là quốc nạn, ngoài là địch nhận  
Hai nghìn giết sạch Hán quân,  
Đem cờ sứ tiết để gần ải quận  
Tạ từ giả tiếng nói van,  
Mấy nơi yếu hại sai quan đề phòng,  
Bỗng đâu Hán lại tiếp sang,  
Một kỳ tịnh tiến, năm đường giáp cộng  
Trong thành một ngọn lửa thông,  
Chiêu hàng ngoài mạc, hội đồng các định  
Chạy ra lại gặp truy binh,  
Vệ vương, Lữ tướng buộc mình cửa hiện  
Kể từ Triệu lịch kỷ niên,  
Năm ngoài chín chục, ngôi truyền năm vạ  
Trách ai gây việc tranh đua,  
Vấn đài vận nước, được thua cơ trợ

## II Thời kỳ chống Bắc thuộc (Thế kỷ 2 trước TL - thế kỷ 10 sau TL)

### iv Nhà Hán và Hai bà Trưng (111 trước TL 43 sau TL)

#### 1. Chính sách nhà Tây Hán

Giao Châu mới thuộc nước người,  
Ấy về Tây Hán là đời Nguyên phong .  
Bản đồ vào sách hốt đồng,  
Đất chia chín quận , quan phong thú thần .



Đầu sai Thạch Đái trị dân,  
Cầm quyền tiết việt giữ phần phong cương  
Tuần tuyên mới có Tích Quang,  
Dạy dân lễ nghĩa theo đường hoa phong .  
Nhâm Diên khuyên việc canh nông,  
Đổi nghề ngư liệp về trong khuê điền .  
Sính nghi lại giúp bổng tiền,  
Khiến người bần khổ thoả nguyện thất gia  
Văn phong nhứt dấy gần xa,  
Tự hai hiền thú ấy là khai tiện  
Luân hồi trăm có dư niên,  
Trải qua Đông Hán thừa tuyên mấy ngọị

## 2. Hai bà Trưng dựng nền Độc lập

Đường ca lâu đã vắng lời,  
Đến như Tô Định là người chí hục

Bà Trưng quê ở Châu Phong,  
Giận người tham bạo thù chồng chẳng quên  
Chị em nặng một lời nguyện,  
Phất cờ nương tử thay quyền tướng quận  
Ngàn Tây nổi áng phong trần,  
Ầm ầm binh mã xuống gần Long Biên  
Hồng quân nhẹ bước chinh yên,  
Đuổi ngay Tô Định dẹp tan biên thạnh  
Đô kỳ đóng cõi Mê Linh,  
Lĩnh nam riêng một triều đình nước tạ  
Ba thu gánh vác sơn hà,  
Một là báo phục, hai là bá vương  
Uy thanh động đến Bắc phương  
Hãn sai Mã Viện lên đường tấn công  
Hồ Tây đưa sức vẫy vùng,  
Nữ nhi chống với anh hùng được nao  
Cấm Khê đến lúc hiểm nghèo,  
Chị em thất thế cũng liều với sông

*Trước là nghĩa, sau là trung,  
Kể trong lịch sử, anh hùng ai hơn?*

Phục Ba mới dựng cột đồng,  
Ài quan truyền dấu biên công cõi ngoài  
Trưng vương vắng mặt còn ai  
Đi về thay đổi mặc người Hán quan

## v. Giao Châu trong thời Bắc thuộc (43 - 544)

### 1. Chính sách nhà Đông Hán

Trải Minh, Chương đến Hiếu, An ,

Tuần lương đã ít, tham tàn thiếu đàu  
Mới từ Thuận đế về sau,  
Đặt quan thứ sử thuộc vào chức phương .  
Kìa như Phàn Diễn, Giả Xương,  
Chu Ngu, Lưu Tảo dung thường kể chi  
Trương Kiêu thành tín phủ tụy ,  
Chúc Lương uy đức, man di cũng gặt  
Hạ Phương ân trạch ngắm nhuận,  
Một châu tiết việt hai lần thừa tụyện

## 2. Lý Tiến, Lý Cầm làm quan nhà Hán

Tuần lương lại có Mạnh Kiên,  
Khúc ca Giả phủ vang miền trung châu  
Ba năm thẳng trạc về châu,  
Thổ quan Lý Tiến mới đầu Nam nhận  
Sở kêu: " Ai chẳng vương thần,  
Sĩ đồ chi để xa gần khác nhau"  
Tình từ động đến thần lưu,  
Chiếu cho cống sĩ bỏ châu huyện ngoại  
Lý Cầm châu chục điện đài,  
Nhân khi Nguyên đán kêu lời xa xôi  
Rằng: " Sao phủ tái hẹp hỏi  
Gió mưa để một cõi ngoài Viêm phương " .  
Tám thành cũng thấu quân vương,  
Trung châu lại mới bỏ sang hai ngườị  
Nước Nam mấy kẻ nhân tài,  
Mới cùng người Hán chen vai từ rạỵ

## 3. Họ Sĩ tự chủ

Lửa lò Viêm Hán gần bay,  
Thế chia chân vạc, nào hay cơ trợị  
Tranh nhau ba nước ba nơi,  
Cầm quyền sinh sát mặc người phong cượng  
Nho lưu lại có Sĩ vương,  
Khơi nguồn Thù Tứ , mở đường lễ vậ  
Phong tiêu rất mực thú thần,  
Sánh vai Đậ Mục, chen chân Triệu Đạ  
Sĩ Huy nổi giữ tước nhà,  
Dứt đường thông hiếu, gây ra cừu thụ  
Cửa hiên phút bỗng hệ tù,  
Tiết mao lại thuộc về Ngô từ rạỵ

## 4. Bà Triệu Âu đánh Ngô

Binh qua trải bấy nhiêu ngày,  
Mới sai Lục Dận sang thay phiên thậ  
Anh hùng chán mặt phong trần,  
Nữ nhi lại cũng có lần cung đạỵ

Cửu chân có ả Triệu kiều,  
Vú dài ba thước tài cao muôn người  
Gặp cơn thảo mọi cơ trời,  
Đem thân bỏ liễu theo loài bông tọng  
Đầu voi phát ngọn cờ vàng,  
Sơn thôn mấy cõi chiến trường xông phạ  
Chông gai một cuộc quan hà ,  
Dù khi chiến tử còn là hiển lịnh

## 5. Ngô Tấn tranh nhau Giao Châu

Từ giờ Ngô lại tung hoành,  
Đặt làm Giao, Quảng hai thành mới phận  
Tôn Tư rồi lại Đặng Tuân,  
Lữ Hưng, Dương Tác mấy lần đổi thay  
Đồng Nguyên, Lưu Tuấn đua tay,  
Kẻ Ngô, người Tấn những ngày phân tranh  
Đào Hoàng nổi dựng sứ tinh,  
Tân xương, Cửu đức, Vũ bình lại chia  
Mười năm chuyên mặt phiên ly,  
Uy gia bốn cõi, ân thù một chậu  
Khi đi, dân đã nguyện lưu ,  
Khi già, thương khóc khác nào từ thậ

## 6. Chính sách nhà Tấn

Ngô công nổi dấu phương trần ,  
Hai mươi năm lễ nhân tuần cũng yện  
Dân tình cảm kết đã bền,  
Tước nhà Cố Bất lại truyền Cố Thạm  
Dân tình khi đã chẳng kham,  
Dẫu là Cố Thọ muốn làm ai nghe  
Quận phù lại thuộc Đào Uy,  
Rời ra Đào Thục, Đào Tuy kể truyện  
Bốn đời tiết việt cảm quyền,  
Phiên binh muôn dặm, trung hiền một mộn  
Tham tàn những lũ Vương Ôn,  
Binh qua nổi gót, nước non nhuộm trận  
Tấn sai đô đốc tướng quân,  
Sĩ Hành là kẻ danh thần chức cạo  
Dẹp yên rồi lại về trào,  
Uy danh nào kém họ Đào thưở xưa  
Nguyễn Phu tài trí có thừa,  
Phá năm mươi luỹ tảo trừ giặc Mạn

## 7. Họ Đỗ ba đời làm thứ sử

Châu diên lại có thổ quan,  
Đỗ công tên Viện dẹp đoàn Cửu chận  
Tướng môn nổi chức phiên thần,

Con là Tuệ Độ thêm phần uy danh  
Bồng riêng tán cấp cùng manh,  
Cơm rau áo vải như hình kẻ què  
Dâm từ cấm thói ngu mê,  
Dựng nhà học hiệu giảng bề minh luận  
Ân uy ra khắp xa gần,  
Cửa thành đêm mở, gió xuân một trợ  
Hoàng Văn phủ ngữ cũng tài,  
Một nhà kế tập ba đời tuần lượng

## 8. Giao châu loạn

Đến triều Lưu Tống hưng vương,  
Hoà Chi, Nguyên Cán sai sang hội động  
Đuổi Dương Mai, giết Phù Long,  
Khải ca một khúc tấu công về trạo  
Gió thu cuốn bức chinh bào,  
Y thường một gánh, qui thiền nhẹ không  
Từ khi vắng kẻ chiết xung,  
Tràng Nhân, Lưu Mục tranh hùng mấy phẹn  
Pháp Thừa cũng chức tuần tuyên,  
Những chăm việc sách để quyền lại ty  
Dưới màn có Phục đấng Chi,  
Cướp quyền châu mục, lộng uy triều định  
Tề suy, Nguyên Khải tung hoành,  
Hùng phiên chiếm giữ cô thành một phượng  
Bắc triều đã thuộc về Lương,  
Lại sai Lý Thốc chiêu hàng nẻo xạ  
Giao châu một giải sơn hà,  
Ái Châu lại mới đặt ra từ rạ

## vị Nhà Tiền Lý (544 - 603)

### 1. Lý Nam Đế dựng nền độc lập

Kể từ Ngô, Tấn lại đây,  
Hai trăm mười bốn năm chầy cát phạn  
Cỏ cây chan chứa bụi trần,  
Thái bình mới có Lý Phần hưng vượng  
Vốn xưa nhập sĩ nước Lương,  
Binh qua gặp lúc phân nhương lại vệ  
Cứu dân đã quyết lời thề,  
Văn thần, vũ tướng ứng kỳ đều ra,  
Tiêu Tư nghe gió chạy xa,  
Đông tây muôn dặm quan hà quét thạnh  
Vạn Xuân mới đặt quốc danh,  
Cải nguyên Thiên đức, đô thành Long biện  
Lịch đồ vừa mới kỷ niên,  
Hưng vương khí tượng cũng nên một đợi  
Quân Lương đâu đã đến ngoài,

Bá Tiên là tướng đeo bài chuyên chĩnh  
Cùng nhau mấy trận giao binh,  
Thất cơ Tô Lịch, Gia ninh đôi đượng  
Thu quân vào ở Tân xương,  
Để cho Quang Phục chống Lương mặt ngoại  
Mới hay " nhật phụ mộc lai,"  
Sấm văn trước đã an bài những khi

## 2. Triệu Quang Phục phá Lương

Bấy giờ Triệu mới thừa ky ,  
Cứ đầm Dạ trạch, liệu bề tấn cộng  
Lý vương phút trở xe rỗng ,  
Triệu Quang Phục mới chuyên lòng kinh doanh  
Hương nguyên trời cũng chứng minh,  
Rông vàng trao vuốt giắt vành đầu mạo  
Từ khi long trảo đội đầu,  
Hồ hùng thêm mạnh, quân nào dám đượng  
Bá Tiên đã trở về Lương,  
Dương Sấn còn ở chiến trường tranh đua  
Một cơn gió bẻ chồi khô ,  
Ải lang dứt dẫu ngựa Hồ vào ra,  
Bốn phương phẳng lặng can qua ,  
Theo nền nếp cũ, lại ra Long thành

## 3. Lý Phật Tử đánh Triệu quang Phục

Lý xưa còn có một cảnh,  
Tên là Thiên Bảo nấu mình Ai Lạp  
Chiêu binh lên ở Động đào,  
Họ là Phật Tử cũng vào hội minh .  
Đào lang lại đổi quốc danh,  
Cũng toan thu phục cựu kinh cửa nhạ  
Cành dâu mây toả bóng tà ,  
Bấy giờ Phật Tử mới ra nổi giòng,  
Rừng xanh gió phát cờ hồng,  
Đề binh kéo xuống bẹn sông tung hoành  
Triệu vương giáp trận Thái bình,  
Lý thua rồi mới thu binh xin hoà  
Triệu về Long đố Nhị hà,  
Lý về Hạ mỗ, ấy là Ô diên .  
Hai nhà lại kết nhân duyên,  
Nhã lang sánh với gái hiền Cảo nương  
Có người: Hồng, Hát họ Trương,  
Vũ biên nhưng cũng biết đường cơ mưu  
Rằng:" Xưa Trọng Thủy, Mỵ Châu,  
Hôn nhân là giả, khẩu thù là chận  
Mảnh gương vãng sự còn gần,  
Lại toan dắc mối Châu Trần sao nền"  
Trăng già sao nữ xe duyên

Để cho Hậu Lý gây nền nội cộng  
Tình con rể, nghĩa vợ chồng,  
Tin nhau ai biết ra lòng lừa nhạt  
Lâu la mới ngộ tình đâu,  
Nhã lang trộm lấy đâu mâu đối liện  
Trở về giả chước vấn yên,  
Giáp binh đâu đã băng miền kéo sạng  
Triệu vương đến bước vội vàng,  
Tình riêng còn chữa dứt đường cho quạ  
Đem con chạy đến Đại nha,  
Than thân bách chiến phải ra đường cùng!

#### **4. Lý Phật Tử hàng Tùy**

Từ nay Phật Tử xưng hùng,  
Hiệu là Nam đế nối dòng Lý vương  
Phong châu mới mở triều đường .  
Ô diên, Long đở giữ giàng hai kình  
Tùy sai đại tướng tổng binh,  
Lưu Phương là chức quản hành Giao châu  
Đô long một trận giáp nhau,  
Xin hàng Lý phải sang châu Tấn dựng  
Từ giờ lại thuộc Bắc phương,  
Mấy năm Tùy loạn rồi Đường mới rạ

### **vị Nền đô hộ của nhà Đường (603 - 905)**

#### **1. An nam đô hộ phủ**

Quan Tùy lại có Khâu Hoà,  
Đem dâng đồ tịch nước ta về Đương  
An nam mới lại canh trượng,  
Đặt Đô hộ phủ theo đường Trung Hoạ  
Mười hai châu lại chia ra:  
Giao, Phong, Lục, Ái, Chi, Nga, Diễn, Trạng  
Vũ an, Phúc Lộ, Hoan, Thang,  
Cơ mi các bộ man hoang ở ngoại

#### **2. Mai Thúc Loan khởi nghĩa**

Quan Đường lắm kẻ tham tài,  
Binh dân hàm oán, trong ngoài hợp mưu  
Mai Thúc Loan ở Hoan Châu,  
Quân ba mươi vạn rủ vào ải xạ  
Hiệu cờ Hắc đế mở ra,  
Cũng toan quét sạch sơn hà một phượng  
Đường sai Tư Húc tiếp sang,  
Hợp cùng Sở Khách hai đảng giáp cộng  
Vận đời còn chữa hanh thộng  
Nước non để giận anh hùng nghìn thụ

### 3. Giặc Đồ Bà

Trần nam lại đổi tên châu,  
Một đời canh cải trước sau mấy ky  
Xa khơi ngoài chốn biên thủy,  
Đồ bà giặc mọi đua bề phân trạnh  
Bá Nghi hợp với Chính Bình,  
Dẹp đoàn tiểu khấu, xây thành Đại La

### 4. Phùng Hưng khởi nghĩa

Xiết bao phú trọng, chính hà,  
Sinh dân sâu khổ ai là xót chẳng  
Đường lâm mới có Phùng Hưng,  
Đã tài kiêu dũng, lại lưng phú hào  
Cối Tây nổi việc cung đao,  
Đô quân tôn hiệu, Tản Thao hiệp tịnh  
Đem quân thẳng đến vây thành,  
Đại La thế bức, Chính Bình hồn tiếu  
Nhân phủ trị mở ngôi triều,  
Phong châu một giải nhiếp điều mấy niên  
Để hương phút trở xe biên,  
Đại vương Bồ Cái tiếng truyền muôn thụ  
Phùng An con nổi thơ ngu,  
Nghe quan nhu viễn bầy mưu hàng Đượng

### 5. Chuyện Lý Ông Trọng

Kể từ đô hộ Triệu Xương,  
Thành La xây lại vững vàng hơn xưa  
Thuyền chơi qua bến sông Từ,  
Giấc nồng đâu bỗng tình cờ lạ sạo  
Thấy người hai trượng dài cao,  
Bàn kinh, giảng truyện khác nào văn nhận  
Cùng nhau như gửi tâm thần,  
Tĩnh ra mới rõ nguyên căn tổ tượng  
Lý Ông Trọng ở Thụy hương,  
Người đời vua Thục mà sang thi Tận  
Hiếu liêm nhẹ bước thanh vân,  
Làm quan hiệu úy đem quân ngữ Hồ .  
Uy danh đã khiếp Hung nô,  
Người về Nam quốc, hình đồ Bắc phượng  
Hàm dương đức tượng người vàng,  
Uy thừa còn giúp Tần hoàng phục xạ  
Hương thơm cổ miếu tà tà,  
Từ nay tu lý mới là phong quạng

### 6. Quan lại nhà Đường

Triệu công tuổi tác về Đường,  
Quý Nguyên, Bùi Thái tranh quyền với nhạu  
Triều đình kén kẻ trị châu,  
Triệu công vâng mệnh xe thiều, lại sạng  
Bản kiêu vừa nhận dấu sương,  
Bến hồng đã định, khói lang cũng tận  
Trương Đan thay chức phiên hàn,  
Tập nghề thuỷ chiến, tạo thuyền đồng mộng  
Đại la mới đắp lữ vòng,  
Ái, Hoan thành cũ đều cùng tái tụ  
Quan tham ai chẳng oán thù,  
Kìa như Tượng Cổ sư đồ bạn lữ  
Quan hiền ai chẳng úy uy,  
Kìa như Mả Tổng man di đầu hạ  
Nguyên Gia đời phủ Tô giang,  
Đến năm Bảo lịch đời sang Tống bịnh  
Giao châu binh mã tung hoành,  
Thăng Triều đã dẹp, Dương Thanh lại nộng  
Kìa ai tôn trở chiết xung,  
Mã công tên Thực anh hùng kém chị  
Tiết thanh cảm vật mới kỳ,  
Dưới dòng Hợp phố châu đi cũng vệ  
Kiềm châu xa ruổi mã đề,  
Hồng bay còn dấu tuyết nê chưa mọn  
Những quan lại gặp Vũ Hồn,  
Thành lâu lửa cháy, dinh đồn quân rọ  
Đoàn công vâng mệnh Đường triệu  
Trước xe phủ dụ, giặc nào chẳng tận  
Thôi trung thổ, lại ngoại man,  
Châu Nhai, Nguyên Hựu sai quan mấy lặn  
Nho môn có kẻ tướng thần,  
Họ Vương tên Thức kinh luân gồm tại  
Thành môn nghiêm nghị trong ngoài,  
Trồng cây trúc mộc, tập bài cung đạo  
Châu dân đều thấm ân cao,  
Chiêm thành, Chân Lạp cũng vào hiệu cụng

## 7. Giặc Nam Chiếu

Xe thiều vừa trở về Đông,  
Giặc Man thừa khích ruổi giông cõi ngoại  
Vương Khoan, Lý Hộ phi tài,  
Đường sai Thái Lập lĩnh bài Giao Chậu  
Biên thư mấy bức về tâu,  
Kẻ xin lưu thú, người cầu bãi bịnh  
Ghen công vi hoặc, Thái Kinh,  
Thờ ơ để việc biên tình mặc ại  
Tiếc thay muôn dặm thành dài,  
Cô quân nên nổi thiết tài chiết xụng  
Ngu Hâu tiếp chiến bên sông,



Quyết liều một trận đều cùng quyên sinh  
Vua Đường tuyên chỉ triệt binh,  
Bỏ hàm Đô hộ, đặt hành Giao Châu  
Trấn, đồn, cửa bể, đâu đâu,  
Tống Nhung, Thừa Huấn hợp nhau một đượng  
Dùng dằng nào dám tiến sang,  
Tám ngàn quân bỏ cương tròng sạch không  
Đổi tâu lại muốn cầu công,  
Rời ra sự phát đều cùng nghị lự

## 8. Cao Biền dẹp Nam Chiếu

Cao Biền là tướng lạc điều,  
Tài danh sớm đã dự vào giản trị  
Quân phù vâng lệnh chỉ huy,  
Tiếp thư sai một tiểu ty về chậu  
Gia quan cho lĩnh tiết mao,  
Đặt quân Tĩnh hải biên vào bản chượng  
Một châu hùng cứ xưng vương,  
Thành La rộng mở, kim thang vững bện  
Tuần hành trải khắp sơn xuyên,  
Đào Thiên uy căng, thông thuyền vãng lại  
Chín năm khép mở ra tài,  
Thành trì truyền dấu, miếu đài ghi cộng  
Rồi khi trở ngựa Hán trung,  
Cao Tầm là cháu nối dòng xưng phiện  
Họ Tăng, tên Cồn cũng hiền,  
Giao Châu di ký còn truyền một chượng

## IIDD Thời kỳ xây dựng Độc lập và thống nhất (Thế kỷ thứ 10)

### viii Nhà Ngô (906 - 967)

.(thiếu)

### ix Nhà Đinh và nhà Tiền Lê (967 - 1009)

#### 1. Thập nhị sứ quân

Nghiệp Ngô rầy có ai thầy  
Đua nhau lại, phó mặc tay quần hụng  
Tiên du riêng một đề phong,  
Nguyễn Công Thủ Tiệp cứ vùng Nguyệt Thiên  
Đường lâm riêng một sơn xuyên,  
Ngô Công Nhật Khánh cứ miền Tản Thạo  
Tây phù liệt có Nguyễn Siêu,

Ngô Xương Xí giữ Bình kiều một phượng  
Tế giang này có Lữ Đường,  
Nguyễn Khoan hùng cứ Vĩnh tường phải chẳng  
Phạm Phòng Át giữ châu Đàng,  
Kiều Tam Chế giữ ngàn rừng châu Phụng  
Đỗ Giang kì Đỗ Cảnh Công;  
Kiều công tên Thuận ở trong Hồi hồ .  
Kiến ong Siêu loại tranh đua,  
Lý Khuê một cõi trì khu dầu lọng  
Kinh nghệ Bồ hải vẫy vùng,  
Trần công tên Lãm xưng hùng một nội  
Phân tranh hội ấy nực cười!  
Mười hai quan sứ mỗi người mỗi phượng

## 2. Đinh Bộ Lĩnh hợp nhất quốc gia

Xây vắn trong cuộc tang thương,  
Trải bao phân loạn mới sang trị bịnh  
Có ông Bộ Lĩnh họ Đinh,  
Con quan thử sử ở thành Hoa lự  
Khác thường từ thuở còn thơ,  
Rủ đoàn mục thụ mở cờ bông lựu  
Dập diu kẻ trước người sau,  
Trần ai đã thấy vương hầu uy dụng  
Một mai về với Trần công,  
Hiệu xưng Vạn thắng, anh hùng ai quạ  
Bốn phương thu lại một nhà,  
Mười hai sứ tướng đều là quét thanh

## 3. Chính sách nhà Đinh

Trường yên đầu dựng đô thanh  
Cải nguyên là hiệu Thái bình từ đây  
Ngìn năm cơ tự mới xây,  
Lên ngôi hoàng đế đặt bày trăm quận  
Có đường bệ có y quan,  
Đẳng uy có biệt, giai ban có thượng  
Tống phong giao chỉ quận vương,  
Cha con đều chịu sủng chương một ngay  
Hồng Bàng để mối đến nay,  
Kể trong chính thống từ đây là đậ  
Tiếc không học vắn công phu,  
Chuyện xưa ít biết, lo sau vụng đượng  
Già tăng cũng dự quan sang,  
Bạc, Điền, Cơ, Tú đều phường vũ nhận  
Nội đình năm vị nữ quân ,  
Nặng tình kiêm ái , quên phần di mựu  
Đã phong Đinh Liễn con đầu,  
Hạng Lang là thứ nhẽ nào đổi thầy  
Pháp hình cũng lạ xưa nay,

Hùm nuôi trong cũi, vạc bày ngoài sện

#### 4. Nhà Đinh mất ngôi

Chơi bời gần lũ tiểu nhân,  
Rượu hoa ngọt giọng, đèn xuân mê lộng  
Trùng môn thừa hờ đề phòng,  
Để cho Đỗ Thích gian hùng nở tạy  
Nổi sau Thiếu đế thơ ngây,  
Lê Hoàn tiếp chính từ rầy dọc ngang  
Tiếm xưng là Phó quốc vương,  
Ra vào cùng ả họ Dương chung tịnh  
Bạc, Điền vì nước liều mình,  
Trách sao Cự Lạng tán thành mưu gian

#### 5. Lê Hoàn phá quân Tống

Chợt nghe binh báo Nam quan,  
Cùng nhau phù lập Lê Hoàn làm vương  
Trước màn, vâng lệnh nàng Dương,  
Trong cung đã thấy áo vàng đưa ra,  
Trường yên đổi mặt sơn hà,  
Đại Hành trí lược thực là cũng ghê!  
Vạc Đinh đã trở sang Lê,  
Nàng Dương chặn gối cũng về hậu cung  
Ngụy nga ngồi bạc, cột đồng,  
Cung đài trang sức buông lòng xa hoang,  
Tự mình đã trái luân thường,  
Lấy chi rủ mối, dựng giường , về sậu

#### 6. Nhà Lê thất chính

Đoàn con địch, thứ tranh nhau,  
Để cho cốt nhục thành cừu bởi ải  
Trung tông vừa mới nối đời,  
Cấm đình thoát đã có người sính hung,  
Ngoạ triều thí nghịch hôn dung,  
Trong mê tử sắc, ngoài nồng hình danh,  
Đao sơn, kiếm thụ đầy thành,  
Thủy lao bào lạc ngục hình gớm thây  
Bốn năm sầu oán đã đầy,  
Vừa tuần Lê rụng đến ngày Lý thịnh

### IV Thời kỳ phát triển (Thế kỷ 11 - đầu thế kỷ 19)

#### x. Nhà Hậu Lý (1010 - 1225)

##### 1. Lý Thái Tổ

Bắc giang trời mở thánh minh ,  
Lý Công tên Uẩn nhân tình đời suy .  
Lê triều làm chức chỉ huy,  
Lũ Đào Cam Mộc ứng kỳ phù lện  
Đầu năm cải hiệu Thuận Thiên,  
Thăng Long mới đổi đặt tên kinh thành  
Định ra thuế lệ phân minh,  
Túc xa, quần giáp quân danh cũng tượng  
Hỗn đồng một mối phong cương ,  
Hai mươi bốn lộ các đường mới chia  
Cử long sấm dậy binh uy ,  
Diễn châu gió động tinh kỳ thân chinh .  
Biện loan gặp lúc hồi minh ,  
Hương nguyên cảm cách, sóng kinh cũng ệ  
Bốn phương trong trị, ngoài nghiêm,  
Chiêm Thành, Chân Lạp xa đem cung cầu .  
Ngựa man sang tiến Bắc triều,  
Tổng hoàng ban thưởng quan bào thêm vịnh  
Vĩ hay đạo học tinh minh ,  
Đế vương sự nghiệp nước mình ai hờn  
Có sao tin hoặc dị đoan,  
Say vui đạo Phật lưu tiên cảnh chùa  
Để cho dân tục tranh đua,  
Ni cô nổi gót, tăng đồ chen vại  
Bởi vì sinh cửa Như lai ,  
Tiêu sơn từ thuở anh hài mới rạ  
Sóng tình chìm nổi ái hà ,  
Chín ngôi hoàng hậu, phép nhà cũng sại  
Tự mình đã dựng lệ giai ,  
Khiến nên con cái, thêm bài tương tranh .

## 2. Lý Thái Tông bình Nùng, phục Chiêm

Thái Tông nổi nghiệp thủ thành,  
Anh em lại rắp đua giành ngôi cạo  
Cùng nhau binh mã sấn vào,  
Cấm thành bỗng chốc xôn xao chiến trượng  
Trận tiền giết Vũ đức Vương,  
Đông Chinh, Dực Thánh tìm đường chạy xạ  
Khoan hình lại xuống chiếu tha,  
Thân phiên đã định, nước nhà mới yện  
Ban hình luật, canh tịch điền ,  
Mở đồ nhất thống cầm quyền tứ chinh .  
Mừng xem " Phiên phục, Nùng bình" ,  
Huy xưng có chữ rành rành biểu tiên .  
Vấn dài là số tự nhiên,  
Tụng kinh cầu thọ , khéo nên chuyện cưới

## 3. Lý Thánh Tông, một ông vua nhân dũng

Thánh Tông văn học hơn đời,  
Bình Chiêm, đánh Tống, đủ tài kinh luận  
Khuyến nông chăm việc cần dân ,  
Chiếu chần thương kẻ tù nhân lạnh lụng  
Thánh hiền tô tượng học cung ,  
Đặt khoa bác sĩ, ưu dung đại thiện  
Ân riêng mưa móc đượm nhuần,  
Đã tiền lại lúa ân cần dưỡng liêm .  
Hồ tây vui thú Dâm đàm ,  
Nữ đem cửa nước xây làm cung tiện  
Chuông Sùng Khánh , tháp Báo Thiên ,  
Phật vàng đúc tượng, say thiền lạ sạo

#### 4. Bà Ý Lan nhiếp chánh

Nhân Tông tuổi chửa là bao,  
Ngoài ra triều yết , trong vào giảng minh .  
Thụ di có Lý Đạo Thành,  
Ý Lan hoàng hậu buông mình giúp nện  
Mở khoa bác học cầu hiền ,  
Ba tháng một mẫu, thuế điền nhẹ thay!  
Có khi xem gặt, xem cày,  
Lòng chăm điền dã , một ngày mấy tao .  
Mưa ân ngấm khắp dôi dào,  
Chuộc người bần nữ gả vào quan phu .

#### 5. Lý Thường Kiệt bại Chiêm, phá Tống

Thân chinh xe ngựa trì khu ,  
Phá Sa động bắt man tù Ngụy Phang .  
Chiêm Thành nộp đất xin hàng,  
Ba châu qui phụ một đường thanh di .  
Tống binh xâm nhiễu biên thuỳ,  
Tướng quân Thường Kiệt dựng cờ Bắc chinh .  
Bên sông Như Nguyệt trú dinh ,  
Giang sơn dường có thần linh hộ trì .  
Miếu tiền phảng phất ngâm thi,  
Như phân địa thế, như trì thiên binh .  
Bấy giờ Tống mới hư kinh ,  
Giảng hoà lại trả mấy thành cố cương .  
Lại còn hối hận một chương:  
" Tham voi Giao Chỉ, mất vàng Quảng nguyên"  
Năm mươi năm lẻ lâu bền,  
Vũ công văn đức rạng truyền sử xanh  
Thượng dương sao nở bạc tình,  
Để bà Dương hậu một mình ngậm oạn  
Kìa Lê văn Thịnh mưu gian,  
Thương chi quái hổ mà khoan lưới hình!  
Phật tử như quả chứng minh ,  
Chuông chùa Diên Hựu đã thành phúc cai .

Cớ sao Trừ quân lại thác vào người hoá duyên

## 6. Lý Thần Tông khuyến khích việc nông

Thần Tông sinh cửa Sùng hiền,  
Dấu hàng thi giải còn truyền Sài sợn  
Thức nông nhộm vẽ chi lan ,  
Thông minh học vấn kiêm toàn cả hại  
Năm đầu vừa mới lên ngôi,  
Giảng câu trước đã mở bài kinh diên .  
Qui nông cho lính canh phiên,  
Rộng ân lại trả quan điền cho dận

## 7. Đỗ Anh Vũ lộng quyền

Anh Tông còn thưở xung nhân ,  
Đỗ Anh Vũ lấy ngoại thân lộng hành .  
Ra vào trong trướng, ngoài màn,  
Cùng Lê Thái Hậu có tình riêng chụng  
Tổng giam đã bắt vào trong,  
Mà Lê Hậu lại còn lòng đeo đai  
Rượu cơm vẫn cứ đưa mời,  
Vàng cho ngục tốt liệu bài thoát rạ  
Nghị đồ rồi lại được tha,  
Để đoàn Vũ Đái đều là thác oạn

## 8. Tài kinh quốc của Tô Hiến Thành

Rời ra vắng mặt quyền gian ,  
Hiến Thành hết sức cán toàn mới nện  
Khi triều Tống, khi sính Nguyên ,  
Một niềm cung thuận , đôi bên được lọng  
An nam Tống mới cải phong ,  
Quốc danh từ ấy rạng dòng viêm phương .  
Thành nam mở chốn võ tràng ,  
Tập tành cung ngựa phô trương tinh kỳ .  
Uy danh rập đến biên thủy,  
Chiêm thành, Ngưu hồng man đi cũng bịnh  
Tuần du đã tỏ dân tình,  
Sơn xuyên trải khắp địa hình gần xạ  
Trừ quân vì một ấu niên .  
Thác cô nhờ có tôi hiền,  
Dẫu người hối chúc mà quyền chẳng sại  
Cao Tông ba tuổi nối đời,  
Hiến Thành cư nhiếp , trong ngoài đều yện  
Di lưu còn muốn tán dương .

## 9. Lý Cao Tổ thất chính

Tiếc không dùng kẻ trung tương ,

Cao Tông hoang túng mọi đường ai cản  
Đấu xe quanh khắp giang san,  
Chính mình lỗi tiết , du quan quá thường .  
Lại thêm thổ mộc cung tường ,  
Mua quan bán ngục nhiều đường riêng tậ  
Nhạc Chiêm rầu rĩ khéo bày,  
Những là tai biến từ này hiện rạ  
Trâu đầu lên ngọn am la ,  
Thước đầu làm tổ góc nhà Kính thiên .  
Bốn phương trộm cướp nổi lên,  
Quân Chiêm, người Tống Quyền cương ngày một đổi  
dời,  
Phạm Du đã phản lại vời về kình  
Bình Di là kẻ trung thành,  
Nghe dèm mà nở kim giai .  
Xe loan lánh chạy ra ngoài,  
Hoàng thân để thích mỗi người một phượng

### **11. Họ Trần giúp vua Lý**

Trừ quân đi đến Thiên trượng  
Tình cờ lại gặp một nường tiểu thụ  
Con nhà Trần Lý công ngư .  
Lưới chài nhưng cũng phong tư khác thượng  
Trăng già đưa mối tơ vương,  
Mới hay con tạo mở đường di duyên .  
Họ Trần từ ấy nổi lên  
Kết bè thích lý , dựng nền tiếm giai .  
Trần Tự Khánh ở phương ngoài,  
Đem quân Hải áp vào nơi đô thành

### **12. Lý Huệ Tông phát điên**

Huệ tông gặp bước gặp ghềnh,  
Nhẹ ân mẫu hậu , nặng tình phu nhân .  
Lạng châu xe đã Bắc tuần ,  
Nửa đêm riêng với nàng Trần lên đị  
Gặp quân Tự khánh rước về,  
Đương cơn gió bụi bốn bề chưa ệm  
Huệ tông cuồng tậ lại thệm  
Khi ngày đứng múa khi đêm nằm dậ  
Xuất gia lại muốn tu trai ,  
Ngôi thiêng phó thác cho người đào thơ .  
Đằng sơn bóng nhật đã mờ,  
Hai trăm mười sáu Lý cơ còn giữ"

### **13. Lý Chiêu Hoàng nhường ngôi cho chồng**

Chiêu hoàng là phận nữ nhi,  
Phấn son gánh việc gian nguy được nào!

Xây vắn cơ tạo khéo sảo  
Bổng xui Trần Cảnh hiện vào hầu trọng  
Người yếu điệu, kẻ thư phong ,  
Bén hơi rơm lửa, động lòng mưa mây ,  
Vẩy nước chậu, vắt khăn tay,  
Khi đêm đập bóng, khi ngày ngồi chung .  
Hoa đào đã dạn gió động  
Vua tôi phận đẹp, vợ chồng duyên may  
Chiếu rồng ban xuống năm mây .  
Mừng rằng nữ chúa ngày nay có chộng

## **xị Nhà Trần (Thời kỳ thịnh trị: 1226 - 1340)**

### **Thời Kỳ Thịnh Trị (1226 1340)**

#### **1. Những việc cải cách đầu tiên**

Đông A tỏ mặt vùng hồng,  
Thái tông cải hiệu Kiến trung rõ rạng  
Trần Thừa là Thái thượng hoàng,  
Chuyên quyền thính đoán , gồm đường kinh luận  
Soạn làm thông chế lễ văn ,  
Thuế điền đã định, số dân cũng tượng  
Tướng thần mới đặt bình chương ,  
Huyện châu sai kẻ khoa trường trị dân,  
Bạ đầu thi kẻ lại nhận  
Hiệu quân Tứ thánh, Tứ thần mới chia  
Hà phòng rày mới có đê,  
Trăm quan áo mạo, dù xe thêm tượng  
Việc ngoài đánh dẹp bốn phương,  
Phó cho Thủ Độ chuyên đường trị dân

#### **2. Văn học và võ công**

Thượng hoàng phút đã từ trần,  
Thái tông tuổi mới đến tuần mười hai  
Cao minh đã có tư trời ,  
Lại thêm Thủ Độ vẽ vờ khôn ngoạn  
Sùng văn , tô tượng Khổng, Nhan ,  
Dựng nhà Quốc học , đặt quan Giám thần ,  
Bảy năm một hội thanh vân ,  
Anh tài náo nức dần dần mới rạ  
Trạng nguyên, bảng nhỡn, thám hoa,  
Kẻ kinh, người trại cũng là tài danh  
Lại thi thái học chư sinh,  
Lại thi tam giáo chia rành ba khoa  
Thân chinh trở ngọn thiên qua ,  
Chiêm nam, Nguyên bắc đều là dẹp tận



### 3. Phong tục đời Trần

Vì ai, đạt gánh giang sơn  
Mà đem cố chúa gia oan nữ nào!  
Chiêu hoàng duyên trước làm sảo  
Gả đi bán lại, coi vào khó nghe!  
Phép nhà chẳng sửa buồng the,  
Vợ anh sao nữ đem về hậu cung  
Bởi ai đầu mở hôn phong,  
Khiến nên một đạo khuê phòng thẹn riêng!  
Thuần bôn dong thói ngựa nghiêng,  
Họ đương lấy lẫn nào kiêng sợ gì  
Thiên Thành công chúa vu quy,  
Sao Trần Quốc Tuấn cướp đi cho đành  
Sính nghi đem tiến thiên đình  
Thụy bà lẳng lú, Trung Thành ngẩn gờ:  
Dị đoan mê hoặc khôn chừa,  
Chùa tô phật tượng, đình thờ Thích cạ  
Tin lời phong thuỷ khi tà,  
Đào sông đục núi cũng là nhọc thay!  
Lễ đâu yếm ẩm quá say,  
Đội mo rót rượu, dan tay vui cượi  
Ba mươi năm chán cuộc đời,  
Truyền cho con nối, ra ngoài Bắc cụng

### 4. Đức độ và chánh trị của Trần Thánh tông

Thánh tông hiếu hữu một dòng,  
Sớm hôm châu chực, mát nồng thánh thợt  
Anh em đèm cả gối dài,  
Sân trong yếm lạc, cõi ngoài ẩm phọng  
Một thiên truyền thụ phép lòng,  
Di mưu cho kẻ nối dòng ngày sạ  
Văn nho khuya sớm giảng cầu,  
Kẻ tu sử ký, người châu kinh diện  
Bề ngoài nghiêm việc phòng biên,  
Kén quân đoàn luyện tập thuyền Cừu sạ

### 5. Trần Hưng Đạo phá Mông Cổ

Trao truyền theo lối phép nhà,  
Nhân tông hùng lược lại là tài hơn,  
Rợ Nguyên quen thói tham tàn,  
Quân năm mươi vạn, những toan tranh hành,  
Sắc sai Hưng Đạo tổng binh,  
Vớ Trần Quang Khải các dinh tiến vạo  
Chương dương một trận phong đào,  
Kìa ai cướp giáo, ra vào có cổng  
Hàm quan một trận ruổi giông,  
Kìa ai bắt giặc, uy phong còn truyền

Giặc Nguyên còn muốn báo đền,  
Mượn đường hộ tống binh thuyền lại sặng  
Xương bày trắng đất, máu màng đỏ sặng  
Trần Hưng Đạo đã anh hùng,  
Mà Trần Nhật Duật kể công cũng nhiều  
Hoài Văn tuổi trẻ trí cao,  
Cờ đề sáu chữ quyết vào lập cộng  
Trần Bình Trọng cũng là trung,  
Đành làm Nam quý, không lòng Bắc vượng  
Khuyến ưng còn nghĩa đá vàng,  
Yết Kiêu, Dã Tượng hai chàng cũng ghê!  
Mà trong ngọc diệp kim chi,  
Lũ Trần Ích Tắc sao đi đầu hăng  
Nhân khi biến cố vội vàng,  
Kẻ trung người nịnh đôi dằng tỏ ra,  
Trùng hưng đem lại sơn hà,  
Đã hay thiên tướng cũng là tài sịnh  
Nước nhà khi ấy thanh bình,  
Truyền ngôi thái tử, lánh mình Ngoạ vận

## 6. Anh tông và Minh tông

Anh Tông nổi giữ nghiệp Trần,  
Trong tu văn đức, ngoài cần vũ cộng  
Có châm để dạy Đông cung  
Thủy vân có tập vui cùng bút nghiên  
Ví không mền phật, say thiền,  
Cũng nên một đứng vua hiền Đông A  
Quyện cần rồi lại xuất giá,  
Minh tông kế thống cũng là hiền vượng  
Mười lăm năm giữ phép thường,  
Rạng nền nếp cũ, mở giuờng mới sậu  
Tiếc không biện biệt ngư châu  
Để cho tà nịnh ở đầu giai bạn  
Khắc Chung thêm dệt lời gian,  
Quốc Chân mắc phải tiếng oan thiệt mệnh

## 7. Việc đánh dẹp về đời Hiến tông

Hiến tông làm máy lung linh,  
Nghiêm xem tinh độ vận hành không sại  
Thạch đê mới đắp đường dài,  
Nước sông thuận lối về ngoài biển Động  
Thừa bình lại hiếu vũ công,  
Đà giang xa mã, Nam hung tinh kỳ  
Cổ quăng mấy kẻ truy tuý,  
Nhữ Hải, Chiêu Nghĩa đều về thủy cung  
Kiềm châu có đá kỷ công,  
Oán dày về triện, sầu đồng ngấn rệu

## xii Nhà Trần (Thời kỳ suy vi: 1341 - 1400)

### 1. Nhà Trần bắt đầu suy

Dụ tông em lại thừa diêu,  
Ngôi thay anh cả, quyền theo Thượng hoạn  
Thượng thư mới đặt tỉnh đường,  
Đề hình chuyển vận chức thường có tện  
Khuyến nông sai sứ đồn điền,  
Vân đồn đặt trấn tra thuyền khách nhận  
Khu tào thống lĩnh cấm quân,  
Phong đoàn lại mới kén dần các độ  
Uy thanh xa động biên ngu,  
Chiêm thành Chế Mộ dâng đồ thổ nghi  
Mong nhờ đưa lối về quê,  
Hay đâu gặp gió trở về luống cội  
Thượng hoạn đã vắng mặt trong,  
Nào ai kiêng sợ mà lòng chẳng dĩ  
Đền Song quế, ao Thanh trì,  
Muông chim hoa cỏ thiếu gì trò chơi!  
Trong cung cờ bạc chơi bời,  
Tiệc vui chúc chén, trận cười leo dây!  
Đạo thường chẳng cần phòng vi,  
Chị em chung chạ loạn bề đại luận

### 2. Dương Nhật Lễ tiếm vị

Truyền ngôi con đưa ưu nhân,  
Để Dương Nhật Lễ tiếm trần dựng lện  
Thói nhà bài hước đã quen,  
Tiếng hoà nhịp phách, hát chen cung đạn  
Hiển từ đã phải hàm oan,  
Trần công mưu hở thân tàn cũng thương!  
Nghệ tông dòng dõi thiên hoàng,  
Đà giang lánh dấu, liệu đường khuất thân,  
Tiềm mưu với kẻ tôn thần,  
Đem về xã tắc nhà Trần thừa xửa  
Yêu phân dành đã tảo trừ,  
Cũng là nối một mối thừa lại sậu

### 3. Chiêm thành xâm nhiễu

Tiểu sao một bực ưu nhu,  
Đông A từ ấy cơ đồ mới suy  
Giậu phen trống trải biên thuỳ,  
Giặc Chiêm giông ruổi đô kỳ xôn xạo  
Quý Ly cho dự khu tào,  
Báu thiêng lại để gian haokhải du  
Dụ tông hăm hở phục thù,  
Đánh Chiêm nào quản tri khu dậm trượng

Khinh mình vào động Ky mang,  
Tinh kỳ tan tác gió sương mịt mù  
Em là Phế đế hôn ngu,  
Chôn tiền giấu của như đồ trẻ chợ

#### 4. Lê Quý Ly phế lập

Quý Ly quyền lẫn trong ngoài  
Buông lời sàm gián quên bài tôn thận  
Truyền vờ Phế Đế vào sân,  
Lựa đào một tấm bề trần kết oạn  
Thuận tông tuổi mọn tài hèn,  
Ngồi không mà để chính quyền mặc ại  
Phải chăng bởi tại mưu người,  
Mà điềm trăm triệu cơ trời lạ sao!  
Thượng hoàng một giấc chiêm bao,  
" Bạch kê, xích chủy" ứng vào câu thợ  
Loạn trưng đã hiện từ giờ,  
Mà đồ tứ phụ ai ngờ vẽ ra!  
Chim con đem gửi ác già,  
Chắc đâu phó thác hẳn là đắc nhân!

### xiii Nhà Hồ và giặc nhà Minh (1400 - 1418)

#### 1. Nhà Hồ cướp ngôi nhà Trần

Quý Ly gấm ghé vạc Trần  
Quyết đời kẻ chợ về gần An tộn  
Đã xui truyền vị cho con,  
Ngọc Thanh lại kết oan hồn một giấy  
Gặp khi Thiếu Đế thơ ngây,  
Khát Chân, Trần Hãng đêm ngày hợp mựu  
Hội minh vừa mới lên lầu,  
Ba trăm đồ đảng cùng nhau hiệp tịnh  
Dùng dằng chưa kịp cất binh,  
Hở cơ một phút tan tành như trợ  
Quý Ly mới đổi họ Hồ,  
Quốc danh là hiệu Đại Ngu chương hoạng  
Truyền ngôi con cả Hán Thương,  
Tự xưng là Thái thượng hoàng ở trọng  
Sai người dâng biểu cầu phong,  
Dối Minh xin để nối dòng quốc quận

#### 2. Quân Minh diệt nhà Hồ

Nguyễn Khang giả tiếng họ Trần,  
Sang Minh xin lấy viện quân đưa về  
Chi lắng nghe động cổ bễ,  
Lý Bân, Mộc Thạnh trở cờ tới nợi

Quân Minh nhân thế đuổi dài,  
Nhị Hồ mới chạy ra ngoài phương xạ  
Núi Cao vọng, bến Kỳ la,  
Đường cùng phải bắt cũng là trời xui!  
Tôn vinh kẻ được mấy hơi,  
Sáu năm tiếm vị, muôn đời ô danh

### 3. Trần Giản Định chống Minh

Quý Ly tội ác đã đành,  
Rồi ra lại gặp người Minh hung tợn  
Chia phủ, huyện, đặt quân quan,  
Cổ cây đều phải làm than hội này  
Dòng Trần chưa dứt một dây,  
Triệu Cơ còn rắp ra tay đồ hội  
Lại phù Giản Định lên ngôi,  
Cảnh Chân, Đặng Tất vua tôi hiệp tịnh  
Mở cờ đánh với quân Minh,  
Phá đồn Cổ lộng, đốt thành Bô cộ  
Ví hay nhân thế trảng khu,  
May ra khôi phục cơ đồ cũng nện  
Trùng hưng cơ tự chưa bền,  
Bổng không đem kẻ tướng hiền giết đi,  
Cho nên hào kiệt bạn ly,  
Cánh vây không có, còn gì mà mỏng

### 4. Trần Trùng Quang chống Minh

Tướng môn lại có con dòng,  
Đặng Dung, Cảnh Dị mới cùng hợp mưu  
Một hai quyết chí đồng cừu  
Cùng đem binh sĩ ruổi vào Chi lạ  
Lại tìm dòng dõi Trần gia,  
Tôn phù Quý Khoáng, ấy là Trùng Quạng  
Đem binh vào phủ Thiên tràng,  
Đón vua Giản Định về đàng Nghệ ạn  
Cùng nhau gánh việc gian nan,  
Hạ hồng tể ngựa, Bình than đồ thuyên  
Quân Minh cố giữ thành bền,  
Bổng đâu Trương Phụ băng miền lại sạng

### 5. Quân Minh chiếm toàn cõi Đại Việt

Từ khi Giản Định đầu hàng,  
Nghệ an đất cũ Trùng Quang lại vệ  
Quân Minh chiếm giữ Bắc kỳ,  
Vua Trần lánh ở Nam thủy một nơi  
Đặng Dung, Cảnh Dị mấy người,  
Thế cùng dù có tướng tài cũng thụ  
Trước sau mười bốn đời vua,

Một trăm tám chục xuân thu chưa chậ  
Loạn cơ bởi tự ai gây  
Quý Ly tiếm thiết tội dây muôn đợi  
Chẳng qua lịch đổi, số đời,  
Xui ra cho đũa gian hồi nhuốm tạy

## 6. Chính sách nhà Minh

Cốc lẳng trời khéo đổi thay,  
Giận riêng bờ cõi từ này thuộc Minh  
Người trí thức, kẻ tài danh,  
Nam sơn đào độn, Bắc đình câu lưu,  
Thuế tợ, thuế thóc tham cầu,  
Mỏ vàng mỏ bạc, trưng thâu cũng nhiều;  
Săn bạch tượng, hái hồ tiêu,  
Mò châu, cấm muối, lăm điều hại dận

xiv Nhà Hậu Lê (Thời kỳ thống nhất: 1418 - 1526)

### 1. Lê thái Tổ phá giặc Minh

Mới hay cơ tạo xoay vần,  
Có khi bĩ cực đến tuần thái lại  
Thiếu chi hào kiệt trong đời,  
Non xanh nước bạc có người kinh luận  
Lương giang trời mở chân nhân,  
Vua Lê Thái tổ ứng tuần mới rạ  
Lam sơn khởi nghĩa từ nhà,  
Phong trần lăm lúc kể đầ gian nguy  
Lạc xuyên đầu giết Mã Kỳ,  
Nghệ, Thanh một giải thu về bản chượng  
Chia quân kinh lược mọi đường,  
Hai kinh đã định, bốn phương cũng bịnh  
Vương Thông bền giữ cô thạnh  
Viện binh hai đạo Bắc đình tiếp sạng  
Trời nam đã có chủ trương,  
Mà cơ chế thắng miếu đường cũng tịnh  
Chi lẳng các đạo phục binh,  
Liễu Thăng, Mộc Thạnh liêu mình nẻo xạ  
Vương Thông thế tủng cầu hoà,  
Quyền phong Trần Cảo gọi là Quốc vượng  
Ngôi thiêng sao xứng tài thượng  
Trần Công trầm sát để nhường long phi

### 2. Nhà Lê kiến quốc

Thuận thiên niên hiệu cải đề,  
Non sông mới thuộc về Lê từ rầy,  
Quan danh, quân hiệu mới thay,  
Bản đồ đổi lại huyện này, phủ kia

Dựng nhà học, mở khoa thi,  
Triều nghi, quốc luật một kỳ giảng tu  
Mười năm khai sáng cơ đồ,  
Sáu năm bình trị qui mô cũng tượng  
Thái tông rộng mở khoa trường,  
Lập bia tiến sĩ trọng đường tư vạn  
Chín năm noi nghiệp cơ cần,  
Viễn di mền đức, cường thần sợ uy  
Tuổi xanh hoang túng nhiều bề,  
Vườn xuân lắm lúc say mê vì tịnh  
Đông tuần về đến Bắc ninh,  
Riêng cùng Thị Lộ quên mình bởi ải  
Nhân tông tuổi mới lên hai,  
Quyền trong mẫu hậu, chính ngoài thần cộng  
Mười năm một hội đại đồng,  
Văn mô rạng trước, vũ công phục ngoại  
Đánh Chiêm thành, cắt Bí cai,  
Đổ bàn, Cổ lũy các nơi hướng tiện

### 3. Lê Nghi Dân cướp ngôi

Diên ninh vừa độ trung niên,  
Nhân tông tuổi cả mới lên ngự trạo  
Nghi Dân cốt nhục nở nào,  
Tiềm mưu đêm bắc thang vào nội cung  
Mẹ con đương thừa giấc nồng,  
Hồn tiên liêu với gian hùng một tạy  
Nghi Dân chuyên tiếm từ đây,  
Lương tâm đã dứt, ác cai lại nặng  
Đình thần nghị tội truất phong,  
Rước Gia vương, ngự đền rồng cải nguyệt

### 4. Thời kỳ toàn thịnh: Lê Thánh Tông

Thánh tông cốt cách thần tiên,  
Lại thêm kinh thánh truyện hiền gia công,  
Quốc âm, Đường luật tinh thông,  
Thiên văn, toán pháp, binh nhung cũng tượng  
Tài cao mại, đức thù thượng  
Kiến văn đã rộng, thi trượng cũng già,  
Ba năm lại mở một khoa,  
Tân hưng, đại tị theo nhà Thành Châu,  
Nhạc âm, lễ chế giảng cầu,  
Quan danh, phục sắc theo trào (triều) Đại Minh  
Mở Quảng nam, đặt Trấn ninh  
Đề phong muôn dặm uy linh ai bị  
Kỷ công núi có Đá bia,  
Thi văn các tập ' Thần khuê còn truyện  
Thừa diêu lại có con hiền,  
Hiển tông nhân thứ rạng nền tiền huy

## 5. Nhà Lê bắt đầu suy

Túc tông số lẽ vận suy,  
Để cho Uy Mục thứ chi nổi đờ  
Đêm ngày tửu sắc vui chơi,  
Tin bè ngoại thích hại người từ thận  
Văn Lang xướng suất phủ quận  
Thần phù nổi áng phong trần một phượng  
Giản Tu cùng phái ngân hoàng,  
Vào Thanh hợp với Văn Lang kết thệ  
Đem binh vây bức đô kỳ,  
Quý vương khuất mặt, quyền về Trư vương  
Lại càng dâm ngược kiêu hoạn  
Trăm gian, nghìn nóc, cung tường xa hoạ  
Lại càng bác tước họ nhạ  
Cành vàng lá ngọc đều là điều lịnh

## 6. Loạn Trần Cảo và Trịnh Duy Sản

Phượng ngoài Trần Cảo lộng binh,  
Mà trong Duy Sản mồng tình bạn quận  
Đem binh vào cửa Bắc thần,  
Bích câu một phút mông trần bởi ại  
Giếng Lê khi đã đổi đời,  
Mặc tay Duy Sản đặt người chủ trương  
Đã tôn con Mục ý vương,  
Lại mưu phù lập Chiêu hoàng cơ sảo  
Thị thành vừa lúc xô xao,  
Lại đưa xa giá ruổi vào cõi Tây,  
Lòng trời khử tặc mới háy,  
Giết Duy Sản lại mượn tay giặc Trần  
Tướng tài còn có Trần Chân,  
Nguyệt giang chống với giặc Trần mấy phen  
Ngụy Trần vào cứ Đồng Nguyên,  
Truyền ngôi con cả, cải nguyên Tuyên hoà,  
Cạo đầu vào cửa Thích già,  
Y qui nương bóng Di đà độ thận

## 7. Chính quyền tan rã

Trời sinh ra hội phong trần,  
Mạc Đăng Dung lại cường thần nổi lện  
Trần Chân tay giữ binh quyền,  
Trên ngò thế cá, dưới ghen tài lành  
Tiếc thay có tướng can thành,  
Tin sàm mà nỡ dứt tình chẳng thạ  
Vì ai gây gổ oan gia,  
Để cho Nguyễn Kính lại ra báo thụ  
Kinh sư khói lửa mịt mù



Xe loan ra cỡi Bảo châu ty trận  
Nguyễn Sư cũng đảng nghịch thần,  
Nửa năm phù lập hai lần quốc vương  
Ngàn Tây một cỡi chiến trường,  
Phó cho Mạc suý sửa sang một mệnh

## 8. Mạc Đăng Dung chuyên quyền

Đăng Dung cậy có công danh,  
Thuyền rồng, tán phượng lộng hành sợ chi  
Chiêu Tông gặp lúc hiềm nghi,  
Nửa đêm lén bước chạy về Tây phượng  
Đăng Dung lập lại Cung hoàng,  
Hành cung tạm trú Hải dương cỡi ngoai  
Xe loan về đến kinh đài,  
Sẵn sàng thiên chiếu ép bài sách phọng  
Hoạ tâm từ ấy càng nồng  
Lương châu Tây nội cam lòng cho đặng

### xv. Nhà Mạc (1527 1592)

#### 1. Ngoại giao và nội chính của Mạc Đăng Dung

Mạc rầy rõ mặt tiếm cường,  
Thăng long truyền nước, Nghi dương dựng nhạ  
Đỗ người lấy về vinh hoa,  
Nhưng lòng trung nghĩa ai mà sá thạ  
Cầu phong sai sứ Bắc triều,  
Dâng vàng, nộp đất nhiều điều dối Mịch  
Lê thần có kẻ trung trinh,  
Trịnh Ngung sang đến Bắc đình tỏ kệu  
Minh tham lễ hậu của nhiều,  
Phụ tình trung nghĩa, quên điều thị phị  
Đăng Dung thoả chước gian khi,  
Tuổi cao rồi lại truyền về Đăng Doanh  
Mã giang đầu xướng nghĩa thanh,  
Gần xa đâu chẳng nức tình cần vương  
Được thua mấy trận chiến trượng  
Nghìn thu tiết nghĩa đá vàng lưu danh

#### 2. Nguyễn Kim khởi nghĩa phù Lê

Cành Lê có độ tái vinh,  
Xui nên tá mệnh trời sinh thánh hiện  
Đức vua Triệu tổ ta lên,  
Cát quân phù nghĩa giúp nền trung hưng,  
Sầm châu ý thể nguồn rùng,

Mười năm khai thác mấy từng nước non,  
Dù khi đỉnh tộ suy mòn,  
Cương trù chưa nát vẫn còn tôn Lệ  
Trang tông lưu lạc tìm về,  
Chia binh Thuý đã, mở cờ Ai lạo  
Lôi dương một trận binh giao,  
Phá tan nghịch đảng tiến vào Nghệ an  
Cỏ hoa mừng rước xe loan,  
Thổ hào ứng nghĩa dân gian nức lòng,  
Tây đô quét sạch bụi hồng,  
Dặm tràng thẳng trở ngọn đồng tràng khu  
Hẹn ngày vào tới Đông đô,  
Một hai thu phục cơ đồ thừa xửa  
Độc sao hàng tướng tiến đưa!  
Trước dinh Ngũ trượng bỗng mờ tướng tịnh

### 3. Trịnh Kiểm tiến quân ra Bắc

Tiệc thay công nghiệp thủy thành,  
Để cho Trịnh Kiểm thay mình thống quân  
Sáu năm vừa hội hanh truân,  
Đỉnh hồ đâu đã đến tuần mây che  
Trung tông nhờ cậy dư uy,  
Mạc thần mấy kẻ cũng về hiệu trung  
Biện dinh quân mạnh, tướng hùng,  
Bốn phương hào kiệt nức lòng y quạng  
Đông kinh trở ngọn việt vàng,  
Phúc Nguyên Mạc chúa chạy sang Kim thịnh  
Thần phù thuyền giã lênh đênh,  
Lại còn Kính Điển đeo tình quấy trêu  
Quan binh theo ngọn thủy triều,  
Duyên giang một trận, nước bèo chảy tận  
Anh tông nổi nghiệp gian nan,  
Tây đô một giải giang san cõi nhạ  
Mạc vào xâm nhiễu Thanh hoa,  
Thái sư Trịnh Kiểm lại ra tiểu bịnh

### 4. Nguyễn Hoàng vào Hoá Châu

Hoá châu có đất biên thành,  
Bốn bề sơn hải trời dành kim thịnh  
Trịnh công tâu với Lê hoàng,  
Chọn người ra giữ một phương thành đại  
Bản triều Thái tổ hùng tài,  
Giống cờ ra trấn cõi ngoài từ đậy  
Việt mao khi đã đến tay,  
Hoành sơn một giải mới gây cơ độ

### 5. Trịnh Mạc phân tranh

Mặt trong đành đã khỏi lo,  
Trịnh công chuyên ý trì khu cõi ngoại  
Quận Gia, quận Định mấy người,  
Hung, Tuyên binh hợp các nơi thêm dậy  
Mạc dần suy yếu từ nay,  
Vận Lê xem đã đến ngày trùng hạnh  
Đem quân về giữ Tây kinh,  
Bể Thanh lại lặng tăm kinh như khộng  
Nhân khi Mậu Hợp ấu trùng,  
Mở đường Phố cát, qua sông Bồ đệ  
Mạc vào, quân lại rút về,  
Mạc lui, quân lại bốn bề kéo rạ  
Tuyết sương trăm trận xông pha,  
Trịnh Công vì nước cũng đà cần lạ

## 6. Trịnh Tùng chấp chính

Tuổi già vừa giải tiết mao,  
Con là Trịnh Cối lại vào đồng nhụng  
Kiêu hoang quen thói con dòng,  
Binh quyền lại để Trịnh Tùng thay anh,  
Cối, Tùng một gốc đôi cành,  
Vinh khô đã khác, ân tình cũng khuê,  
Anh em mâu thuẫn hai bề,  
Thừa cơ Mạc lại kéo về nội xậm  
Mạc lui, Tùng mới mạnh tâm,  
Ngoài trương thanh thế, trong cầm quyền cương  
Lại mưu tàn hại trung lương,  
Vàng đưa ngoài cửa, búa trương dưới mạn  
Tạ tình phụ tấm niêm đan,  
Đem Lê Cập Đệ giết oan nợ nào!  
Bằng không nổi trận ba đào,  
Để cho xa giá chạy vào Nghệ ạn  
Giá điền vừa mới hồi loan,  
Lôi dương đã nổi tiếng oan giữa vợi  
Thế tông con thứ nổi đời,  
Trịnh Tùng phù lập cùng loài giả danh

## 7. Trịnh Tùng diệt Mạc

Cối ngoài giặc Mạc tung hoành,  
Bắc hà cát cứ mấy thành nhân dân  
Giáng uy nhờ có lôi thần,  
Nhân khi Mậu hợp đến tuần thiên tru  
Mạc thần mấy kẻ vũ phu,  
Sao mai lác đác, lá thu rụng rợi  
Xuất binh vừa gặp cơ trời,  
Đường ghềnh len lỏi ra ngoài Thiên quận  
Tràng khu một lối duyên san,  
Huyện châu gió lướt, Tràng an lửa nộ

Bỏ thành, Mạc chạy qua sông,  
Đuổi sang Phượng nhõn đường cùng mới thôi,  
Kể từ Ngụy Mạc tiếm ngôi,  
Năm đời truyền kế sáu mươi năm chạy  
Trần ai quét sạch từ rày,  
Về kinh ban yến, tiệc bày thưởng cộng

## **xvi Nhà Lê Trung hưng (Vua Lê Chúa Trịnh: 1593 1729)**

### **1. Giao thiệp buổi đầu với Trung hoa**

Mới sai sứ giả cầu phong,  
Nghe gièm, Minh hãy còn lòng tin nghị  
Sai quan hội khám một kỳ,  
Phong làm Đô thống, cơ mi gọi là!  
Phùng Khoan sứ tiết cũng già,  
Biểu từ biện chiết thật đã thiết mệnh  
Mấy lời ôn dụ đỉnh ninh,  
Phong vương còn đợi biểu tinh có ngay

### **2. Trịnh Tùng xưng chúa**

Hồ lui, lang tới khéo thay!  
Mạc kia vừa dẹp, Trịnh này lại lện  
Tùng xem căn cứ đã bền,  
Công danh càng thịnh, uy quyền càng bạo  
Rỡ ràng ngọc sách, tinh bao,  
Gia phong Nguyên súy, dự vào sủng chương  
Bình an lại tiền tước vương,  
Gầy nên tiếm thiết, mở đường khai dụ  
Kính Tông còn độ ấu cô,  
Đổng lương ai kẻ xanh phù vạc Lễ  
Triều thần những lũ Bùi Khuê,  
Lại tìm Mạc nghiệt theo về Kính Cụng  
Nghĩ dương tro tắt lại nòng,  
Thị thành nổi áng bụi hồng bởi ải  
Nhân khi giá ngự ra ngoài,  
Thừa hư Mạc lại vào nơi đô thành  
Quan quân ra đánh lại bình,  
Thặng dư mới phát tự Thanh ngự vệ  
Chông gai tuy sạch mọi bề,  
Mà trong quyền cả chuyên về một tay  
Bốn phương tai biến đã đầy,  
Đầm khô, núi lở, cát bay mù trời  
Chẳng qua trăm sự tại người,  
Gấm cơ hưu cứu biết đời thịnh suy  
Súng đầu phục trước đường đi,  
Để cho Trịnh chúa lại nghi Lê hoạn  
Sinh con gặp đũa vô lương,  
Châu liên sao nỡ quên đường quân thần

### 3. Trịnh Tráng tặng quyền phủ chúa

Thừa gia theo lối cường thần,  
Vua Lê, chúa Trịnh nhân tuần đã quen,  
Thần tông vừa mới cải nguyên,  
Sách phong Trịnh Tráng đã ban từ giỡ  
Thành đô quyền trọng hơn xưa,  
Nhà Lê cũng một giải thừa mà thôi!  
Nước nhà đang buổi yên vui,  
Xin vua xuống chiếu truyền ngôi nhẽ gì  
Chẳng qua là dạ gian khi,  
Làm cho rõ mặt phúc uy tự nhạ  
Chân Tông tuổi mới mười ba,  
Hững hờ quyền chúa, ngôi cha mặc lọng  
Quốc vương Minh mới cải phong,  
Bảy năm lịch số vừa chung một đời  
Xoay quanh mới tỏ đạo trời,  
Báu thiêng đem lại cho người truyền gia  
Thần tông thay giữ nghiệp nhà,  
Thượng hoàng lại đổi mặt ra tân hoạn  
Thờ ơ cờ đạo nhà vàng,  
Chính quyền phó mặc Trịnh vương, biết gì  
Nhà Minh thuở ấy đã suy,  
Mượn binh lại sắp nhờ uy cường thậ  
Sắc phong chiếu dụ ân cần,  
Phó vương Trịnh lại thêm phần tôn vịnh  
Cả giàu sang, lớn quyền hành,  
Giang sơn chung một triều đình chia đội

### 4. Trịnh Tạc đánh Nguyễn và Mạc

Tiểm phong, Trịnh Tạc nổi ngôi,  
Tước vương mình lại tài bồi cho cộn  
Càn cương ngày một suy mòn,  
Cuộc đời chìm nổi, ai còn hiệu trung,  
Bản triều mở dấu Kỳ phong,  
Thánh thần truyền dõ một lòng tôn Lê  
Quyền gian giận Trịnh nhiều bè,  
Sắc sai Chiêu, Thuận khắc kỳ tiến chịnh  
Sáu năm rồi mới bãi binh,  
Lũy dài còn dấu uy linh để truyện  
Vận Lê còn buổi truân chuyên,  
Huyền tông thơ ấu để quyền Tây vượng  
Đặng uy đã biến lễ thường,  
Vào châu không lạy, miếu đường có ải  
Thiên nhan lại muốn sánh vai,  
Giường ngồi đem đặt bên nơi ngự tiện  
Đọc ngang dưới phủ trên đền,  
Móng tình cải bộ gây nền tranh vượng  
Vũ công lại muốn phần dương,

Đem quân đánh Mạc lại sang Cao bình  
Mạc vào cầu viện Yên kinh,  
Phong làm Đô thống tung hoành cõi xạ  
Bốn châu riêng một sơn hà,  
Danh tuy phụ Hán, thực là thê Ngô  
Gia tông vừa nổi cơ đồ,  
Xe loan đã giục trì khu ra ngoại  
Phòng biên đã có tướng tài,  
Quân ta một trận, luỹ dài phá tan,  
Mã đầu đã trở quy an,  
Hà trung Trịnh lại đặt quan lưu độn

## 5. Trịnh Căn và nhà Thanh

Về nhà lập lại Trịnh Côn (Căn)  
Nam vương theo lối quyền môn một dạng  
Đêm ngày bí các thông dong,  
Văn thần thay đổi vào trong chực hầu,  
Quốc Trinh tham tụng ở đầu,  
Bởi sao nên nổi gây thù ưu binh  
Hy tông hoàng đệ thay anh,  
Ngôi không luống giữ, quyền hành mặc ai!  
Bấy lâu chiếm giữ cõi ngoài,  
Hãy còn Mạc nghiệt mấy đời đến nay  
Di thư sang với Quảng tây,  
Một lần hội tiểu từ này chạy xạ  
Quân Thanh xâm chiếm đất ta,  
Vị xuyên, Bảo lạc, Nà oa, Lộc bình  
Thổ quan lại có tư tình,  
Tham vàng đem giới kệ chuyển dị

## 6. Triều thần nhà Lê

Bên ngoài xâm tước nhiều bề,  
Ở trong chính sự chỉnh tề được bảo  
Lẽ gì hơn lẽ bang giao,  
Mà cho quan thị đứng vào đầu bạn  
Thế mà những kẻ cư quan,  
Cũng đành ngoảnh mặt cho toàn tôn vịnh  
Tại triều mấy kẻ trâm anh,  
Nguyễn Đăng, Đồng Trạch công thanh một đấng  
Thế Vinh tài học ưu trường,  
Nguyễn Hành, Hà Mục văn chương cũng giã  
Bởi ai thiên hạ âu ca,  
Chẳng quan tham tụng Văn hà là chỉ  
Bởi ai thiên hạ sâu bì,  
Chẳng quan tham tụng Lê Hy hãnh thần  
Tính đi nghĩ lại xa gần,  
Nhiều phần vì Trịnh, ít phần vì Lê  
Mỗi giàu sang đã say mê,

Lấy ai chỉ trụ làm bia trong đời!

## 7. Những việc cải cách về thời Trịnh Cương

Dụ tông nối giữ ngôi trời,  
Trịnh Cương chuyên chế theo loài cố gia  
Lục phiên lại đặt tư nha,  
Bao nhiêu tài phú đều là về tạ  
Các quan trấn thủ mới thay,  
Hưng Tuyên thống hạt tử rầy chia hại  
Vũ thần mỗi trấn một người,  
Để cho vững thế mặt ngoài phiên lý  
Lấy năm điều khảo trấn ti,  
Cứ trong điển tối mà suy hay hện  
Thảm hình đặt viện phủ tiền,  
Sai quan tra kiện thay quyền pháp tị  
Vũ khoa mới đặt phép thi,  
Hỏi đường thao lược, thử nghề dao cụng  
Ba trường phúc thí đã xong,  
Đề danh tạo sĩ bằng rỗng cũng vịnh  
Kén thêm tứ trấn binh đình,  
Vệ quân mới đặt sáu dinh từ rậy  
Công tư điền thổ xưa nay,  
Sai quân khám đạc san tay dân cùng  
Tuần hành có sứ khuyến nông  
Giữ gìn đê lộ, xét trong dân tịnh  
Đem thư biện với nhà Thanh,  
Mỏ đồng, mỏ kẽm lại giành về tạ  
Lập bia trên Đổ chú hà,  
Giới cương tự đó mới là phân mệnh  
Qui mô cũng muốn sức bình,  
Mà lòng lảng tiếm tự mình ra chỉ  
Lập phủ đường ở Cổ bi,  
Toan đem kinh quốc dời về cố hương  
Đông cung đã lập Duy Tường,  
Bổng không lại đổi Duy Phường cố sảo

## xvii Nhà Lê suy vi (Trịnh Nguyễn phân tranh: 1729 - 1782)

### 1. Chính sách đòi bại của Trịnh Giang

Trịnh Giang quen lối gian hạo  
Truất ngôi Vĩnh Khánh hãm vào tội nhận  
Thuần Tông đặt bỏ mấy lần,  
Phúc uy mặc sức cường thần mới ghê  
Ý tông còn tuổi hài đề  
Danh tuy chính thống, quyền về phó vượng  
Trịnh càng dâm ngược kiêu hoang,  
Đêm ngày luống những tham đường vui chọi  
Dấu xe giông ruổi quanh trời,

Sửa sang cảnh Phật, vẽ vờ động tiện  
Quỳnh lâm, Hương hải, Hồ thiên ,  
Cửa thiên hạ chất cửa thiên biết bảo  
Kho tàng ngày một tiêu hao ,  
Bán khoa, mua tước tiền vào sáu cung  
Phó vương còn chứa cam lòng,  
Thượng vương lại giả sắc rồng nhà Thạnh  
Tội trời kể đã quánh doanh ,  
Sao cho nghiệp báo đến mình mới thối  
Bồng đầu một tiếng thiên lôi ,  
Thất kinh ngư ngạc như người chứng điện  
Ở hang lại gọi cung tiên,  
Để đoàn nội thụ chuyên quyền lộng uy .

## 2. Sự loạn lạc ở Bắc hà

Lòng người đâu chẳng bạn ly ,  
Ếch kêu, ác hợp thiếu gì gần xa!  
Sơn nam có giặc Ngân già,  
Nguyễn Cừ, Nguyễn Tuyển ấy là giặc Động  
Sơn tây: nghịch Tế, nghịch Bồng ;  
Động ngoài ba mặt, nhộn trong bốn bề  
Năm hàng Trịnh có biết gì!  
Quận Bào, quận Thực đua bì tranh cộng

## 3. Trịnh Doanh và Lê Hiển tông

Phó vương quen lối nhà dòng,  
Chẳng phò Trịnh thị sao xong việc đời  
Nguyễn công Quý Cảnh mấy người,  
Vào trong định sách ra ngoài diều binh .  
Cùng nhau phù lập Trịnh Doanh,  
Thái vương Trịnh lại tôn anh làm vị  
Sai quan kinh lược bốn bề ,  
Khải ca mấy khúc đều về tấu công .  
Cơ mưu Trịnh cũng gian hùng,  
Nghĩ mình chuyên tiếm ắt lòng ai ựa  
Có Lê mới có đến giờ,  
Phải cầu hiền đức để nhờ phúc chung .  
Kìa người mắt phượng râu rồng,  
Duy Diêu vốn cũng là dòng thần minh .  
Hạ đài khuất bóng tiền tinh ,  
Khuôn thiêng còn để một cảnh phúc chi .  
Hay đâu cầu ứng cũng kỳ,  
Bồng xui Trịnh chúa tạm đi ra ngoài  
Vũ công một giấc hiên mai,  
Mơ màng dường thấy phong tài đế vương .  
Tinh kỳ nhã nhạc lạ nhường,  
Thái bình nghi vệ rõ ràng chẳng ngoạ  
Sáng mai vừa mới tỉnh ra,



Duy Diêu xảy đến chơi nhà lạ sảo  
Thấy người mà nghiệm chiêm bao,  
Mới hay trăm triệu ứng vào tự nhiên  
Nghe lời Trịnh mới phù lên,  
Hiển tông từ ấy chịu truyền nói ngộ

#### 4. Trịnh Doanh và Trịnh Sâm dẹp loạn

Vận Lê đến lúc suy đồi,  
Chấp tay rủ áo lạnh ngồi mặc ại  
Gặp khi nhiều việc chông gai,  
Loạn trong Ba phủ, giặc ngoài bốn phương  
Văn thần có kẻ phản dương ,  
Phạm công Đình Trọng gồm đường lược thao .  
Phao sơn trở ngọn cờ đào,  
Nguyễn Cừ đã phá, Nguyễn Cầu cũng tận  
Nguyễn Phương cứ Độc tôn sơn ,  
Tuyên, Hưng là đất, lâm man là nhạ  
Trịnh vương quyết chí xông pha,  
Huyết sào quét sạch, binh xa mới vệ  
Quyền gian kế tập quen lè ,  
Trịnh Sâm lại cũng sính nghề vũ cộng  
Mạnh thiên hang thẳm núi cùng,  
Hãy còn Hoàng Chất lâm rừng ẩn thận  
Sai Đoàn Nguyễn Thục đem quân,  
Cùng rừng săn thú một lần mới thanh .  
Lại toan dẹp cõi Trấn ninh,  
Chữ e địa thế, dân tình chưa quện  
Địa đồ ai khéo vẽ nên,  
Thu ngoài man cảnh về bên khuyết đĩnh .  
Gần xa đã tỏ tình hình,  
Mới sai chư tướng đề binh đánh liền,  
Chiềng quang thành lũy vững bền  
Bỏ chông núi cả cũng nên hiểm trợ  
Biển dâu trừu dịch lạ đời!  
Nửa đêm mở lũy cho người tiến sạng  
Bởi mưu Ngũ Phúc chiêu hàng  
Nguyễn Thiệu trong lại đem đảng nội công .  
Vậy nên Duy Mật thế cùng,  
Hoả viêm một phút cô dung cũng liệu

#### 5. Trịnh Sâm đánh chúa Nguyễn

Cậy công Trịnh mới thêm kiêu,  
Càng đầy đức sắc , càng nhiều ác cai ,  
Vu oan nữ đặt nên lời,  
Để cho thái tử thiệt tài thông minh  
Phúc uy chuyên tiếm một mệnh  
Mạo giầy diên đảo , nghĩa danh còn gì  
Thế mà vạc cả duy trì ,

Bởi tiên liệt thánh Nam Kỳ Nổi ngời  
Nền danh phận, đạo vua tôi,  
Gian hùng mất vía đứng ngời sao ạn  
Bây giờ có giặc Tây san,  
Ở trong lại có Phúc Loan lộng hành .  
Thừa cơ Trịnh mới sai binh,  
Đưa thư vào trước kể tình ngoại thân .  
Rằng: " Toan trừ đũa lộng thần ,  
Cùng nhau quét sạch bụi trần cõi Tây ."   
Lá cờ theo ngọn gió bay,  
Thừa hư trực để vào ngay nhà Hồ .  
Phúc Loan đem lại hiến phù ,  
Trịnh binh nhân thế tràn khu dưới thạnh  
Đôi bên lập lũy phân dinh,  
Trầm than mấy trận quan binh hiểm nghẹo  
Độ quân nó bắc phù kiều ,  
Thuý hoa phát phới qua đèo Hải vận  
Quảng nam đồn trú lục quân ,  
Trong Tây ngoài Trịnh, xa gần với ải  
Thuyền rồng vào bến Đồng nai,  
Long hưng còn đợi cơ trời có khị

## 6. Trịnh Sâm hồng mưu thoán đoạt

    Gió thu lần úa cành Lê,  
    Ác bay chưa biết đĩ về nhà ại  
    Nguy Tây gấm ghé mặc ngoài,  
Trịnh Sâm trong lại sai người cầu phọng  
    Vũ Trần Thiệu kể là trung,  
Mặt tuy ứng mệnh , nhưng lòng vẫn kiên  
    Động đình xa vượt bè tiên ,  
Trên trời dưới nước tằm nguyên sạch trọng  
    Biểu tiên phó ngọn đuốc hồng,  
Ngậm cười thể với chén nồng , cho xụi  
    Làm cho vỡ mặt gian hồi ,  
Mà người chìm nổi trong đời then riêng

## 7. Đặng Thị Huệ lộng quyền

    Xoay vắn hay có khuôn thiêng ,  
    Càng già cối ác, càng nghiêng sóng tịnh  
    Tuyên phi là gái khuyh thành ,  
    Đem bề ân ái chuyên vành phúc uy  
Cướp quyền đích trường dựng bè đồng môn  
    Yêu cơ khí diễm càng nộng  
    Khiến nên Trịnh Khải sinh lòng âm mưu  
    E khi sự thế đảo đầu ,  
    Ước cùng các trấn đều vào giúp công  
    Điền thư có đũa hầu trong,  
Tin lòng nên mới ngỏ cùng Ngô Nhâm .

Người sao chẳng chút lương tâm!  
Khoa danh đã nhục, quan trâm cũng hoài!  
Lòng riêng tham đắm mùi đời,  
Phụ tình thầy tớ, cãi lời phụ thân  
Quyết đem sự ấy củ trần,  
Làm cho Trịnh Khải một lần châu liên

## xviii Cuối đời nhà Lê (1783 - 1786)

### 1. Loạn kiêu binh ở kinh thành

Sâm già, Cán lại thiếu niên  
Phó cho Hoàng Bảo giúp nên sao đành  
Tuyên phi học thói buông mình,  
Trong dựa dưới mệnh nhân tình đều nghị  
Ở trong Khải mới thừa ky,  
Ngoài quân ba phủ nhân khi lộng hành  
Cùng nhau sáp huyết hội minh,  
Trống hồi chữa dứt, các dinh đã vạo  
Cửa thành binh lửa xông xao,  
Một cơn cỏ nội cá ao còn gì!  
Cán vong, Khải lại tiếm vì,  
Phủ binh từ ấy nhiều bề tuyên kiêu,  
Hung hăng ngoài phố trong triều,  
Phá nhà cướp cửa, đập diu vào rạ  
Đầy đường những tiếng oán ta,  
Văn thần, võ tướng đều là bó tay

### 2. Nguyễn Huệ ra Bắc lần thứ nhất

Tiến đồn nghe đến giặc Tây,  
Tiềm mưu còn rắp đợi ngày xuất chinh  
Có tên Nguyễn Chỉnh tài danh,  
Nhân khi tao loạn đem mình hàng Tây  
Cơ quan mưu lược vẽ bày,  
Cam lòng nước cũ, mượn tay người ngoại  
Tây sơn biết tỏ một hai,  
Chia quân thủy bộ quyết bài kéo rạ  
Ngọn cờ trở lối sơn pha,  
Hải vân đồn trấn, đâu là chẳng tản  
Cánh buồm đề lớp cuồng lan,  
Cát dinh, Động hải quân quan chạy dại  
Ngụy Tây còn sợ mặt ngoài,  
Rắp ngăn Trảng lữ tính bài phân vương  
Khéo đâu Chỉnh lại đưa đường,  
Rằng: " Trong sự thế chi nhường cho ải  
Tướng công uy nhưức bên trời,  
Này cơ phát trúc hấn mười chẳng xạ  
Bấy lâu họ Trịnh gian tà,  
Binh kiêu, dân oán ắt là bại vọng

Uy trời ai giám tranh phong,  
Hãy xin thừa thắng ruổi giông cõi ngoại"  
Phải chăng Huệ mới nghe lời,  
Lại cho Nguyễn Chính, lĩnh bài tiên phong  
Lá buồm theo ngọn gió đông,  
Vượt qua cửa bể vào sông Vị Hoang  
Quân dung, đâu mới lạ nhường!  
Mão mao, áo đỏ chật đường kéo rạ

### 3. Chúa Trịnh Khải bị bắt

Bụi hồng mờ mịt kinh hoa,  
Lục môn, Thuý ái gần xa tan tạnh  
Quyết liều Trịnh mới thân chinh,  
Tây lương giáp trận quân mình đảo qua  
Nài voi toan trở lại nhà,  
Cờ Tây sơn đã mở ra đây thạnh  
Qua Hạ lô rắp lánh mình  
Giữa đường gặp đũa phụ tình bắt rạ

### 4. Nguyễn Huệ trả quyền Lê Hiển tông

Nguy Tây vốn kẻ hung tà,  
Còn e người chốn Bắc hà khó xọng  
Phù Lê có biểu mật phong,  
Mặt ngoài trung nghĩa, trong lòng gian phị  
Hiển tông tuổi tác đã suy,  
Nghe tin binh biến biết gì là đậu  
Vừa khi Nguyễn Huệ vào hầu,  
Vấn an lại kể gót đầu đình nịnh  
Rằng: " Nghe họ Trịnh cường hoành,  
Vây đem quân nghĩa quét thanh bụi trận  
Chủ trương mừng thấy đông quận  
Thái bình cây cỏ được nhuần hơi mưa"  
Phúc lành chúc chữ cửu như  
Của tin mấy quyển đồ thư dâng vào,  
Bệ rồng ban chiếu tinh bao,  
Gia phong Nguyễn Huệ đương trào quốc cộng  
Ngọc Hân vừa trạc đào hồng,  
Ép duyên kim cải kết lòng sài lang,  
Đương cơn đòng bác ngồn ngang,  
Thực hư chưa tỏ, biến thường ai tịn  
Hơi tàn gần trở gót tiên,  
Lại vờ Nguyễn Huệ gửi quyền quốc gia  
Một hai xin trở về nhà,  
Bóng đèn, tiếng búa giám là di duyện

### 5. Quân Tây sơn rút về Nam

Bảo thành kinh lý đã yên,

Ngôi cao phó lại cháu hiền thừa gia  
Duy Kỳ nổi giữ nghiệp nhà  
Cải nguyên Chiêu thống mới là sơ niên  
Huệ còn lưu ở Long biên,  
Anh là Nguyễn Nhạc theo miền lại rạ  
Rước mời ngày tiếp đôi ba,  
Bệ từ, Nhạc mới lần la tự tình  
" Đất, dân đâu cũng triều đình,  
Giao lân rồi sẽ cất mình Nam qui"  
Nửa đêm ám hiệu cuốn kỳ  
Bao nhiêu tài hoá chuyên về sạch khộng  
Bỏ Nguyễn Chỉnh ở Thăng lọng  
Cũng toan cất cánh mở lòng với ại  
Về quê Chỉnh mới giả bài,  
Rằng vâng mật chỉ hồi sai đất nạ  
Mộ quân hương đồng đem ra,  
Ngoài là chống giặc, trong là giữ kình

## 6. Triều đình vua Lê Chiêu Thống

Cựu thần mấy kẻ công khanh,  
Thoái hưu để việc miếu đình mặc ải  
Tân khoa còn có một hai,  
Bùi Dương, Trần Ân cũng người trung trịnh  
Cùng nhau phụng sắc triệu binh,  
Thổ hào củ tập vào kinh hộ tuy  
Phân vân tranh lập nhiều bề,  
Kẻ phò Trịnh Lệ, người suy Trịnh Bộng  
Yến đô lại cứ tập phong,  
Những mưu phò Trịnh, quên lòng tôn Lệ  
Mậu Xưng, Tích Nhưõng kẻ chi,  
Phùng Cơ còn biết thị phi nhẽ thương,  
Trách thay Trọng Tế họ Dương,  
Cũng trong khoa bảng, cùng phường đai cân  
Sao không biết nghĩa quân thân  
Bầy mưu phé lập sắp quân vây thạnh  
Non sông còn mặt triều đình,  
Bạc đen xem thấy nhân tình mà ghê

## 7. Nguyễn Hữu Chỉnh chuyên quyền

Lê hoàng căm giận nhiều bề,  
Mật thư sai sứ đưa về Nghệ ạn  
Chỉnh xưa tuy giả mưu gian,  
Được thư rầy mới nở gan anh hụng  
Hịch bay đâu cũng nức lòng,  
Tứ thành Tứ đột quân rông hơn muôn,  
Dậm trường thẳng ruỗi chinh an  
Nghệ, Thanh quét sạch mấy đoàn kiến ong,  
Yến đô sức yếu thể cùng,

Theo Dương Trọng Tế qua vùng Bắc nịnh  
Đại quân tiến đến kinh thành,  
Long tân ngự duyệt, đại đình thưởng cộng  
Loan thư ban trước thềm rồng  
Cha phong Bằng quận, con phong tước hậu  
Trăm quan ngôi thứ ở đầu,  
Cánh vây sum họp, phủ lầu nghênh ngang

## **xix Nhà Nguyễn Tây Sơn (1787 - 1802)**

### **1. Quân Tây sơn ra Bắc lần thứ hai**

Bốn phương lại động khói lang,  
Nguy Tây riêng mặt bá vương một trời,  
Nhạc, Qui Nhơn; Lữ, Đồng nai;  
Quảng Nam, Nguyễn Huệ; trong ngoài chia nhậu  
Nhân cơ lại dấy qua mâu,  
Văn Nhâm vâng lệnh quân phù kéo rạ  
Qua Nghệ an, đến Thanh hoa,  
Thổ sơn giáp trận Trinh hà áp bệnh  
Giặc ra đến đất Ninh bình,  
Chinh đem hai vạn tinh binh quyết liệu  
Một đêm thuyền trái buồm xiêu,  
Vì con sơ suất, đền điều thua cộng

### **2. Lê Chiêu Thống chạy dài**

Văn Nhậm kéo đến Thăng long,  
Lê Hoàng thẳng thốt qua sông Nhị hạ  
Bắc ninh cũng đất dân nhà  
Bạc thay Cảnh Thước sao mà bắt nhân!  
Nỡ nào quên nghĩa cố quân  
Đóng thành không rước, sai quân cướp đưng  
Ngự bào cũng nhuộm màu sương,  
Nguyệt giang, Mục thị nhiều đường gian nguy  
Tây binh thừa thế cùng truy,  
Cha con Nguyễn Chinh một kỳ trận vọng  
Bắt phu canh giữ bên sông,  
Kìa Dương Đình Tuấn cũng mong phù trị  
Chước đâu phản gián mới kỳ,  
Để cho xa giá chạy về Chí lịnh  
Vội vàng chưa định hành dinh,  
Mà Đình Tích Như ở tình đuổi theo!  
Giải vây lại có thổ hào,  
Lữ Hoàng Xuân Tú cũng đều cần vương,  
Thừa dư vừa đến Thủy đờng,  
Kẻ về tẩu tiếp, người sang đầu thanh  
Bồng đâu thuyền bạt vào Thanh,  
Nước non man mác, quân tình ngăn ngõ

### 3. Nguyễn Huệ đặt chức Giám quốc ở Bắc hà

Văn Nhâm tự ấy lại giờ,  
Võ về sĩ tốt, đợi chờ chúa cộng  
Huệ sao tàn nhẫn cam lòng,  
Một gương nữ quyết chẳng dong tướng thận  
Mới đòi hào mục xa gần,  
Xem nhân tình có mười phần thuận khổng  
Nguyễn Huy Trạc cũng hào hùng,  
Một thang tiết nghĩa quyết lòng quyền sinh  
Biết thiên hạ chẳng thuận tình,  
Lập người giám quốc đem binh lại vệ

### 4. Quân nhà Thanh sang nước ta

Lê Hoàng truân kiến nhiều bề,  
Mẹ con cách trở biết về nơi đâu  
Thái tử lạc tới Long châu,  
Thổ quan dò hỏi tình đầu thủy chung  
Cứ lời đạt đến Quảng đông,  
Gặp Tôn Sĩ Nghị cũng lòng mục lân,  
Một phong biểu tấu chín lần,  
Cần long có ý ân cần vì Lệ  
Đền rồng ban ấn tử nê,  
Đem quân bốn tỉnh trao về một tay  
Nam quan thẳng lối đường may,  
Tắt qua trấn Lạng, sang ngay sông Cẩu  
Tập công phá trại Nội hầu,  
Theo đường Kinh bắc, tới đầu Nhị giàng  
Rượu trâu đâu đã sẵn sàng,  
Vua Lê mừng thấy đón đàng khao bệnh  
Tôn công quân lệnh tức thanh,  
Tơ hào chẳng phạm, tám thành cũng phu  
Qua sông mới bắc cầu phù,  
Tây lương quân đóng, Đông đô ngự vạo  
Quốc vương sẵn ấn tay trao,  
Truy tùy thường kẻ công lao nhọc nhận

### 5. Triều đình thời Lê mạt

Bao nhiêu hào kiệt xa gần,  
Đua nhau đều đến cửa quân đầu thăm  
Xưa sao vắng vẻ hơi tăm!  
Rày sao hiệp lực đồng tâm lắm người!  
Viêm lương mới tỏ thói đợi  
Dạ trong đã chán, mặt ngoài cũng khinh  
Song mà ý thể nhà Thạnh  
Thờ ơ với kẻ nước mình mặc ai!  
Cơ mưu những chắc lưng người  
Để cho đất nước trong ngoài mất trông!

## 6. Quang Trung đại phá quân Thanh

Quân Thanh đã được Thăng long,  
Một hai rằng thế là xong việc mình  
Dùng dằng chẳng chịu tiến binh,  
Nhác đường phòng thủ, mồng tình đãi hoạn  
Nguy Tây nghe biết sơ phòng,  
Giả điều tạ tội, quyết đường cát quận  
Dậm tràng nào có ai ngăn,  
Thừa hư tiến bức đến gần Thăng long  
Trực khu đến lũy Nam đồng,  
Quan Thanh dấu mấy anh hùng mà đảng  
Vua Lê khi ấy vội vàng,  
Cùng Tôn Sĩ Nghị sang đàng Bắc kinh  
Qua sông lại sợ truy binh,  
Phù kiêu chém đứt, quân mình thác oạn

## 7. Cuộc lưu vong của Lê Chiêu thống

Ngẩn ngơ đến ải Lạng sơn,  
Theo sau còn có quân quan mấy người  
Cầm tay Sĩ Nghị than giải,  
Vì mình kiến bộ nên người luống công,  
Nhẽ đâu lại giám bận lòng,  
Xin về đất cũ để mong tái độ  
Tôn công cũng có tiên trừ,  
Đã dâng một biểu xin cầu viện bịnh  
Quế lâm còn tạm trú mình,  
Bổng đâu nghe chiếu nhà Thanh triệu về  
Phụng sai có sứ hộ tùy,  
Sự đâu lại gặp những bề trở nạn  
Sứ thần là Phúc Khang An,  
Đã e xa cách, tại toan đối lựa  
Dần dà ngày tháng thoi đưa,  
Lê hoàng luống những đợi chờ Yên kinh  
Tắc gang khôn tỏ sự tình,  
Để xem xon Tạo giúp mình hay không  
Từ khi tam phẩm gia phong,  
Mới hay Thanh để cam lòng thế thôi!  
Lỡ làng đến bước xa xôi,  
Nhưng trong đạo chúa nghĩa tôi chẳng dợi  
Lê Hân, Lê Quýnh mấy người,  
Như Tòng, Ích Hiếu cũng lời thế mình,  
Tòng vong đều kẻ trung trinh,  
Mã đồng khen cũng có tình tôn quận  
Vua Lê phút lánh cõi trần,  
Non sông cách diễn mấy lần xa xa,  
Bình Tây nhờ Thánh triều ta,  
Kẻ gần an chốn, người xa tìm về,



Sang Thanh mấy kẻ theo Lê,  
Còn ai cũng động lòng quê ngậm ngùi  
Vận Lê đến thế là thôi,  
Ba trăm sáu chục năm rồi còn chỉ

## 8. Tổng kết

Mới hay có thịnh, có suy,  
Hang sâu, núi cả có khi đổi dời  
Trước sau tính lại trăm đời,  
Có trời, có đất, có người chủ trương  
Khai tiên là họ Hồng Bàng,  
Thụy thay, Triệu đổi thường thường suy di,  
Rồi ra hợp hợp chia chia,  
Trải Đinh, Lê, Lý, Trần, Lê mấy đời,  
Thiếu chi chuyện vãn đầy vơi!  
Hiếm điều đặc thất, hiếm người thị phi!  
Lại còn nhiều việc tín nghi,  
Sự muôn năm cũ chép ghi rành rành  
Bút son vâng mệnh đan đình,  
Gác lê lần giờ sử xanh muôn đời  
Chuyện xưa theo sách điển lời,  
Phải chăng xin đã gương Trời rạng soi